

NHÀ XUẤT BẢN MONG BẠN ĐỌC
GÓP Ý KIẾN, PHÊ BÌNH

NH556T

TỦ SÁCH "HỌC TẬP VÀ LÀM THEO
TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH"

Nhiều tác giả

Những tấm gương

BÌNH DỊ MÀ CAO QUÝ

TẬP 8

V24

144-2013

QĐND-2013

THƯ VIỆN TỈNH BÌNH THUẬN

DVV / 21550 / 13

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN
HÀ NỘI - 2013

Lời Nhà xuất bản

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn chăm lo phong trào "Thi đua ái quốc". Biết bao gương "Người tốt làm những việc tốt" đã được Bác Hồ khen thưởng. Bộ sách "Vì nước vì dân" - loại sách "Người tốt, việc tốt" của Nhà xuất bản Quân đội nhân dân đã được Bác Hồ khen ngợi và tự tay Người ghi lời căn dặn trên bản thảo. Thực hiện lời dạy của Bác Hồ, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân đã tiếp tục xuất bản nhiều bộ sách "Người tốt, việc tốt" nêu gương những người bình thường mà làm nhiều việc tốt, ích nước lợi dân.

Ngày 7 tháng 11 năm 2006, Bộ Chính trị Trung ương Đảng (khóa X) đã ra Chỉ thị số 06-CT/TW về tổ chức Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh". Hưởng ứng Cuộc vận động, các phương tiện thông tin đại chúng đã đẩy mạnh việc tuyên truyền, phát hiện những tấm gương tốt để phong trào học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trở nên sâu rộng, có tác động to lớn đối với toàn xã hội. Điển hình như Báo Quân đội nhân dân, Báo Nhân dân, Báo Lao động đã phối hợp tổ

chức cuộc thi báo chí viết về "Những tấm gương bình dị mà cao quý". Nhiều điển hình được phát hiện đã góp phần đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân ta trong thời kỳ đổi mới.

Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về nêu gương "Người tốt, việc tốt", Nhà xuất bản Quân đội nhân dân đã phối hợp với Báo Quân đội nhân dân xuất bản bộ sách "Những tấm gương bình dị mà cao quý" - loại sách "Người tốt, việc tốt". Những tấm gương được nêu cho chúng ta thấy rõ, một người tuy rất bình thường, nhưng có thể làm được những việc tốt, ai ai cũng có thể làm theo, để phấn đấu "Mỗi người tốt, mỗi việc tốt đều là những bông hoa đẹp. Cả dân tộc ta là một rừng hoa đẹp". Trong quá trình tuyển lựa, chúng tôi đã cố gắng sắp xếp nhằm thể hiện tính đa dạng của những tấm gương trên các lĩnh vực, vùng miền... nhưng cũng không tránh khỏi những sơ suất, Nhà xuất bản mong bạn đọc góp ý kiến, phê bình, để loại sách "Người tốt, việc tốt" này ngày càng được nâng cao về chất lượng.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN
QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

NHỮNG BÌNH TRÀ ĐÁ MIỄN PHÍ

LÊ HÙNG KHOA

Nhịp sống ở Thành phố Hồ Chí Minh luôn tấp nập, ồn ào, nếu không bị kẹt xe thì cũng nghe bên tai bao nhiêu là thứ tiếng: Từ tiếng còi xe, tiếng nhạc inh ỏi của các cửa hiệu đến tiếng âm âm của các công trình đang thi công. Giữa tháng 3 như thiêu như đốt, nhiệt độ tới 32-36°C, đối với nhiều người, dừng lại lễ đường nơi đặt bình "trà đá miễn phí" và có ngay một ly trà đá mát lạnh làm dịu đi cơn khát thì thật là tuyệt vời. Chủ nhân những bình trà đá hầu hết chẳng giàu sang gì, mỗi người một hoàn cảnh. Nhưng lạ thay, dù tôi đã hỏi thăm nhiều người buôn bán gần đó, nhưng ai cũng bảo, "những người làm công việc này không thích nêu tên đâu, chú muốn biết cứ tìm hiểu xem".

1. Địa chỉ đầu tiên tôi muốn chia sẻ là bình trà đá miễn phí ở ngay góc ngã tư đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Võ Văn Tần (Quận 3). Lúc đầu tôi dò hỏi mãi cũng không ra tên chủ nhân chiếc bình ấy. Phần thì người chủ ấy chẳng nói tên bao giờ, phần thì nhiều người dùng "miễn phí" thương hiệu trà đá góc ngã tư đường cũng không nhớ đến việc tìm hiểu "tác giả" của bình trà đá ấy, thấy tiện thì dùng qua cơn khát rồi đi. Cuối cùng tôi đành chờ để được tiếp xúc với người có tấm lòng thơm thảo này. Hôm đó là chủ nhật và tôi đã gặp anh chị. Người vợ bán nước giải khát, chồng vá xe kiếm từng đồng, vậy mà hơn hai năm nay, họ đã mang đến bình nước miễn phí bằng cả cái tâm trong sáng của mình.

Năm lần bảy lượt hỏi chuyện tôi mới biết tên chị là Nguyễn Thị Ngọc Liên. Chị dặn dò: "Chú đừng chụp ảnh đưa tôi lên báo làm gì, mà cũng chỉ gọi tôi là Liên cà phê thôi nhé". Biết chị ngại tôi cũng gạt đầu đồng ý. Một gian hàng nước giải khát vỉa hè thì một ly trà đá cũng bán được với giá 1.000 - 2.000 đồng, nhưng chị đã cho miễn phí. Mỗi ngày chị dậy thật sớm dọn hàng, không quên chuẩn bị nước trà, đá lạnh bỏ vào thùng nhựa đặt ngay góc ngã tư. Tổng chi phí cho thùng trà đá của người đàn bà đáng người thấp bé, gương mặt rám nắng này

khoảng 22.000 đồng. Đối với nhiều người số tiền ấy còn không đủ một bát phở sáng, một ly cà phê máy lạnh nhưng với chị, đó là một nửa ngày lao động của nhiều người. Chị Liên kể, sau cái chết của người anh trai, chị cầu nguyện mỗi ngày phải làm việc thiện để linh hồn anh được siêu thoát. Làm việc thiện, nghe đơn giản nhưng không biết bắt đầu từ đâu. Thế là chị suy nghĩ ngay từ công việc bán nước giải khát lề đường đã nuôi sống gia đình chị suốt gần 15 năm nay. Chị quan sát, giữa trời nóng bức, nhiều người đi đường dừng lại ở góc ngã tư ai cũng mồ hôi đầm đìa và nghĩ đến bình trà đá.

Từ e dè, nghi ngại ban đầu vì "thiên hạ sao có người rỗi hơi", "nước liệu có bảo đảm vệ sinh"... rồi nhiều người đến rót uống thử. Ban đầu chỉ là người bán ve chai, vé số, trái cây dạo, xe ôm... luôn sẵn lòng tiếp nhận những thứ được gọi là "miễn phí". Dần dần người bán báo, sinh viên, học sinh cũng đến uống. Và nay, ngay cả giới văn phòng, người đi xe gắn máy khu vực đường Võ Văn Tần, Phan Đình Phùng... cũng đến uống. Những nghi ngại ban đầu về chủ nhân bình trà đá cũng dần tan biến. Một "mạnh thường quân" làm việc tại sân khấu kịch 5B Võ Văn Tần thấy cảm thương cho đôi vợ chồng "ăn cơm nhà vác tù và hàng tổng" ấy đã "tài trợ" một bình đựng nước bằng inox, một bộ ly

nhựa sạch thơm. Chị Liên vui lắm khi bình trà đá bằng nhựa của chị được "nâng cấp", vừa sang vừa sạch. "Nghề chính" của chị là bán cà phê trong sân khấu kịch 5B Võ Văn Tần cùng với chồng chị, anh Nguyễn Văn Hùng làm nghề sửa vá xe ngay góc ngã tư này, thu nhập cũng chỉ đủ ăn hàng ngày. Chị Liên tâm sự: "Đến khi nào tôi còn có khả năng thì vẫn làm việc thiện, khi ấy, tâm hồn tôi luôn thanh thản và tin rằng linh hồn anh trai sẽ sớm siêu thoát". Niềm vui của chị lại càng được nhân lên khi thời gian gần đây, nhiều người qua đường dừng lại đưa cho chị vài chục ngàn đồng gọi là góp chút ít lòng thành để duy trì bình trà đá miễn phí và họ cũng không cần để lại tên tuổi.

2. Bình trà đá ở trước số nhà 61 Điện Biên Phủ (Quận 1) cũng vậy, tôi phải thuyết phục mãi với lý do biết tác giả bình trà để uống cho an tâm thì chị Ly, người bán hàng ở đây mới cho biết chủ nhân thực sự là bà Hương, mẹ chồng chị. Hôm tôi ghé qua thì bình trà đá miễn phí của bà vừa được "nâng cấp". Một bình trà bằng inox cỡ 50 lít sạch sẽ, bóng loáng và vài cái ly mới tinh. Chị Ly vui vẻ tâm sự: "Hồi trước sử dụng bình nhựa nhưng thấy cứ nhanh hỏng nên mẹ chồng tôi nhờ các con góp tiền lại để mua bình inox cho bền, đẹp mà lại bảo đảm vệ sinh tốt". Xoay quanh câu chuyện về bình trà đá này, tôi mới phần nào hiểu tấm

lòng của người "mời nước thiên hạ" ấy. Theo lời chị Ly, gần 5 năm nay, mỗi ngày cứ sau 22 giờ, khi không còn khách ghé uống nước nữa thì nhà chị mới mang bình lau rửa. Bà Hương dù tuổi đã cao nhưng vẫn thức đêm để nấu nước sôi rồi để nguội. Khoảng 5 giờ rưỡi sáng hôm sau, bà Hương hoặc chị thức dậy pha trà, bỏ thêm một củ gừng tươi rồi rửa đá thật sạch cho vào thùng, đưa ra trước cửa nhà cho kịp lúc những người đi làm sớm ghé uống nước. Bình quân mỗi ngày người đi đường "tiêu thụ" hết một bình, ngày nắng nóng có khi hết cả 2 hoặc 3 bình. "Thấy mọi người ghé uống nước gia đình tôi vui lắm, mình mời ly nước uống chứ có to tát gì đâu", chị Ly tâm sự.

3. Sáu giờ sáng, vợ chồng chú Thanh đã pha xong bình trà đá và mang ra trước cửa nhà phục vụ người đi đường trước số nhà 130 Xô Viết Nghệ Tĩnh (quận Bình Thạnh). Tính cả tiền một phần tư cây đá và một kilôgam trà, mỗi ngày vợ chồng chú đầu tư khoảng 30.000 đồng cho thùng trà đá. Cô Thanh cũng không quên đặt thêm biển "trà đá miễn phí" để người đi đường khỏi ngần ngại khi uống nước. Cô cho biết, ban đầu chưa có nhiều người uống vì họ còn ngần ngại, nhưng dần dần thấy người này uống người khác cũng ghé vào nên ngày một đông. Mỗi ngày vợ chồng chú phải tiếp thêm nước hai lần. Cũng với tấm

lòng như vậy, chị Cẩm Loan ở đường Hùng Vương (Quận 10) thức dậy từ 5 giờ sáng đưa thùng nước tinh khiết mua ở đại lý ra trước cửa nhà mời mọi người đi đường dùng. Chị nói: "Lúc trước nấu nước sôi để nguội đổ vào bình, nhưng lâu ngày sợ mình vệ sinh bình không sạch, lo mọi người đau bụng nên bây giờ mua nước tinh khiết cho chắc chắn. Thà tốn chút ít mà trọn tâm lòng". Quán cà phê Lâm Viên trên đường Trần Nhân Tông, Quận 10 từ lâu đã là địa chỉ uống trà đá miễn phí cho nhiều người. Từ nhiều năm qua, ngày nào ông chủ quán này cũng không quên đặt một bình inox sáng bóng bên trong đầy ắp trà cùng nhiều chiếc cốc sạch, trước quán đặt tấm biển "Mời dùng trà đá miễn phí". Từ khi có thùng trà đá miễn phí này, những người lao động lam lũ, những anh chạy xe ôm, thậm chí cả những bác tài xế taxi cần giải khát miễn phí thường ghé qua.

Đó là những trường hợp tôi tìm được chủ nhân của bình trà đá miễn phí. Nhưng tại thành phố này, đều đặn mỗi ngày từ sáng sớm đến tối mịt, còn không ít người tốt bụng đã lặng lẽ đặt những thùng trà đá miễn phí mà không ai biết tên tuổi họ. Như chủ nhân bình trà đá miễn phí gần ngã ba Võ Văn Tần - Trần Quốc Thảo (Quận 3) hay trên đường Bình Thới, Quận 11... Bà Đỗ Thị Hồng 48 tuổi cho biết:

"Bán hàng rong như tôi cả ngày ở ngoài đường nên mau khát nước lắm, có bình trà đá uống tiết kiệm được tiền mua nước, những người lao động nghèo như tôi cũng mát dạ". Uống xong ly nước, hai bác chạy xe xích lô nói: "Giữa trưa nóng nực mà uống ly trà đá vào thì ngon hết biết, thật cảm ơn những người tốt bụng này". Hỏi ra mới biết ngày nào họ cũng ghé qua đây, uống riết rồi nghiền, vừa đã khát lại vừa không tốn tiền.

Thi thoảng ta sẽ bắt gặp ở đây đó những hình ảnh rất đẹp, rất giản dị ngay cạnh mình. Đó có thể là một anh thanh niên đang diu một cụ già qua đường ngay trước những chiếc xe gắn máy đang vội vã lao đi trong giờ tan tầm. Hoặc là một bạn sinh viên vội đứng lên nhường chỗ ngồi cho một phụ nữ mang thai vừa bước lên xe buýt. Chuyện một chị công nhân hay một anh tài xế taxi trả lại cửa rơi cho người mất... Bình trà đá miễn phí cũng vậy! Một việc làm không to tát nhưng thiết thực đem lại niềm vui nho nhỏ cho bao người trong nhịp sống hối hả. Và họ cảm nhận được cái tình người đọng đầy trong từng ly nước ấy. Mong sao ngày càng có nhiều những bình trà đá "ấm tình người" để đời thêm vui vì những người tốt đã cùng tiếp sức và sẻ chia với những đôi chân đang còn nhọc nhằn mưu sinh giữa chốn phồn hoa đô hội.

GIỌT MÁU ẤM TÌNH QUÂN DÂN

NGUYỄN LIÊN

Trong những năm qua, phong trào "Hiến máu nhân đạo" đã lan rộng ở nhiều địa phương trong cả nước, đã xuất hiện nhiều tấm gương điển hình, thấm nhuần đạo lý "Thương người như thể thương thân" của người Việt Nam. Để ghi nhận nghĩa cử cao đẹp này, ngày 10 tháng 6 năm 2012, tại Cung Văn hóa Lao động Hữu nghị Việt - Xô (Hà Nội), Ban Chỉ đạo Quốc gia vận động hiến máu tình nguyện tổ chức "Lễ tôn vinh 100 người hiến máu tiêu biểu Việt Nam năm 2012". Trong 100 gương mặt tiêu biểu đến từ mọi miền Tổ quốc, có những sĩ quan trẻ của Quân đội nhân dân Việt Nam, họ không chỉ luôn sẵn sàng chiến đấu, mà còn tích cực tham gia phong trào hiến máu cứu người.

Cơ duyên

Trong cuộc trao đổi với chúng tôi, Thiếu úy Lê Quyết Thắng (sinh năm 1985) thuộc Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân tỏ vẻ rất tâm đắc với câu danh ngôn: "Sự giàu có không phải tính bằng của cải mà ta sở hữu, mà tính bởi những gì ta đã làm cho xã hội". Anh quan niệm con người sống với nhau phải biết yêu thương, quan tâm, chia sẻ niềm vui, nỗi buồn với những người xung quanh. Đối với anh, dù việc làm của mình là nhỏ, nhưng nếu nó có ích cho người thân, xã hội thì nên làm. Anh tâm sự: "Năm 2003, khi được bố vận động tham gia hiến máu tình nguyện, tôi đã đồng ý mà không hề do dự, bởi trong gia đình tôi vào thời điểm lúc bấy giờ đã có mẹ và hai chị lớn đều tham gia hiến máu tình nguyện nhiều lần. Tôi nhận thấy sức khỏe của mẹ và hai chị vẫn bình thường, nên tôi đăng ký tham gia hiến máu. Tôi thấy vui và hạnh phúc khi biết được mình đủ điều kiện để hiến máu. Sau cái lần đầu tiên ấy, tôi đã trở thành một tình nguyện viên tích cực tham gia hiến máu tình nguyện. Chín năm qua, tôi đã tham gia hiến máu 21 lần. Với tôi, hiến máu tình nguyện là việc làm hết sức bình thường và như một thói quen. Tôi cho rằng, đây

là việc làm thiết thực và có ý nghĩa, giúp gắn kết tình cảm của con người với con người".

Anh còn vui vẻ "bật mí": "Năm 2009 là lần hiến máu ý nghĩa nhất không chỉ riêng bản thân tôi mà còn đối với cả gia đình tôi. Bởi ngày 14 tháng 2 năm 2009, Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương và Hội Thanh niên tình nguyện vận động hiến máu nhân đạo thành phố Hà Nội đã tổ chức "Lễ hội Xuân Hồng" tuyên dương những gia đình hiến máu tiêu biểu và "Đám cưới Hồng" kỷ niệm 35 năm ngày cưới của bố mẹ tôi".

Thiếu úy Lê Quyết Thắng cho biết thêm: "Tôi thấy vui, hạnh phúc vì được chia sẻ những giọt máu của mình cho những người bệnh đang cần nó. Niềm vui của tôi như được nhân đôi khi mẹ tôi là Lê Thị Kim Dinh, 67 tuổi, đã 12 lần hiến máu, cũng được tôn vinh trong 100 người hiến máu tiêu biểu năm nay. Sự quan tâm của các đoàn thể là sự động viên, khích lệ lớn để tôi cố gắng hơn nữa vào công việc nhân đạo này. Đây còn là cơ hội để tôi giao lưu, gặp gỡ và biết thêm nhiều điển hình trong hiến máu tình nguyện như: Anh Lê Trung Hậu (sinh năm 1976) ở Thành phố Hồ Chí Minh hiến máu 60 lần, chị Kiều Thị Lệ Hoa (sinh năm 1958) ở Tây Ninh hiến máu 50 lần,

anh Trần Thanh Phong (sinh năm 1972) hiến máu 42 lần...".

Đâu phải để được tuyên dương

Câu chuyện của Thiếu úy Vũ Kim Cương (quê Thái Bình), hiện đang công tác tại Khoa Chống nhiễm khuẩn Viện Quân y 175, khiến chúng tôi rất xúc động. Là một sĩ quan quân đội công tác trong ngành y, chứng kiến nhiều bệnh nhân nguy kịch do mất nhiều máu mà không có máu để truyền, anh Cương hiểu rất rõ tính cấp thiết của việc dự trữ "ngân hàng máu" cung cấp cho cơ sở y tế. Tình cờ, năm 2001 trong một lần về quê nghỉ phép, anh chứng kiến cảnh một cháu bé hàng xóm bị ngã, vết thương chảy rất nhiều máu. Anh và người thân trong gia đình đã đến bệnh viện để truyền máu cho cháu. Thấy sắc mặt của cháu bé từ nhợt nhạt chuyển dần sang hồng hào, anh Cương thấy lòng mình nhẹ nhõm hơn. Từ đó, anh đã tình nguyện tham gia phong trào hiến máu nhân đạo.

Đưa tay gạt những giọt mồ hôi lấm tấm trên trán, Thiếu úy Vũ Kim Cương tâm sự: "Lần đầu tiên hiến máu, tôi thấy rất thoải mái. Mọi việc rất nhanh và đơn giản. Tôi nghĩ, phong trào hiến máu tình nguyện là một việc làm đầy ý nghĩa".

51 Dù công việc bận rộn, căng thẳng, nhưng Thiếu úy Vũ Kim Cương vẫn hiến máu đều đặn hai lần/năm. 22 lần hiến máu, lần nào cũng để lại trong anh những cảm xúc riêng. Khi biết mình là một trong 100 người được vinh danh tiêu biểu về hiến máu nhân đạo năm 2012, anh Cương chia sẻ: "Tôi cũng như những người hiến máu tình nguyện, hiến máu chưa bao giờ nghĩ đến việc được tuyên dương, khen thưởng. Chúng tôi chỉ nghĩ đơn giản đó là việc làm nhỏ có thể giúp đỡ được người bệnh trong những lúc nguy nan. Khi biết mình là một trong 100 người được tôn vinh năm nay, tôi vừa bất ngờ, nhưng cũng rất hạnh phúc. Tôi mong muốn ngày càng có nhiều người góp sức xây dựng "ngân hàng máu" để cung cấp cho ngành y tế, giúp những bệnh nhân có cơ hội được cứu sống khi được truyền máu kịp thời".

Tích cực vận động cộng đồng

52 Sáu năm tham gia hiến máu tình nguyện, Trung úy Phí Hải Đăng (sinh năm 1985), hiện công tác ở Đại đội 3, Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 741, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Điện Biên, đã hiến máu 10 lần. Với anh, con số ấy chưa phải là nhiều, nhưng nó sẽ không dừng lại, bởi anh quan niệm còn sức khỏe, đủ điều kiện để

hiến máu thì sẽ luôn tình nguyện tham gia hiến máu nhân đạo để có thể cứu sống những bệnh nhân đang ngày đêm cần đến máu.

53 Trung úy Phí Hải Đăng cho biết: "Năm 2006, khi còn là học viên của Trường Sĩ quan Lục quân 1, tôi được nhà trường vận động đăng ký tham gia hiến máu. Khi ấy, sự hiểu biết của tôi về việc hiến máu có những hạn chế, nên tôi rất hồi hộp. Nhưng sau lần hiến máu đầu tiên ấy, tôi ý thức việc làm này rất ý nghĩa. Từ đó, mỗi khi có điều kiện, tôi đều tình nguyện đăng ký tham gia. Tôi thấy vui và hạnh phúc khi biết được giọt máu của mình cho đi có thể đã cứu một người ở lại với cuộc sống..."

54 Không chỉ là người hiến máu, anh Đăng còn tìm hiểu các tài liệu về hiến máu để vận động tuyên truyền đồng nghiệp, bạn bè, người thân... cùng tham gia vào công việc nhân đạo này. Trong số đó có những người đã tham gia hiến máu nhiều lần như: Thiếu tá Trần Trung Kiên, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 741, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Điện Biên: bảy lần; Đại úy Hoàng Văn Cường, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Điện Biên: năm lần; anh Phí Xuân Bách (em trai anh Đăng), sinh viên năm cuối Trường Đại học Bách khoa Hà Nội: sáu lần, ...

Suy nghĩ và việc làm của Trung úy Phí Hải Đăng cũng giống như biết bao người đã và đang hiến máu tình nguyện khác là hiến máu không bao giờ nghĩ đến việc sẽ được ghi danh mà chỉ nghĩ mình có sức khỏe, đủ điều kiện thì tham gia hiến máu để đem lại nụ cười, hạnh phúc cho bệnh nhân và gia đình họ, đặc biệt là những bệnh nhân nghèo rất cần được giúp đỡ. Cũng chính nhờ những tấm lòng cao cả đó mà phong trào hiến máu tình nguyện đã và đang lan tỏa sâu rộng trong xã hội.

Và còn bao câu chuyện cảm động khác nữa về những tấm gương tiêu biểu của phong trào hiến máu tình nguyện, những con người bình dị với hành động cao đẹp trong cuộc sống của chúng ta.

Cuộc gặp gỡ với các sĩ quan trẻ được tôn vinh trong phong trào hiến máu tình nguyện đã để lại trong chúng tôi những cảm xúc khó quên cùng niềm tin yêu và cảm phục. Chúng tôi được biết rằng, ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường trung học phổ thông, các anh đã nuôi mơ ước và chọn cho mình con đường binh nghiệp. Dù đặc thù công việc của mỗi người một khác, nhưng ở các anh luôn có một điểm chung, đó là phẩm chất Bộ đội Cụ Hồ. Không chỉ cố gắng làm tốt công việc chuyên môn, hoàn thành

nhiệm vụ huấn luyện và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ cuộc sống bình yên của nhân dân, các anh còn luôn sẵn sàng sẻ chia những giọt máu hồng, những giọt máu thấm đượm nghĩa tình quân dân, để từng ngày, từng giờ góp phần giành lại bao sự sống.

Hiện nay, nhu cầu về máu phục vụ cấp cứu người bệnh tại các cơ sở y tế là rất lớn. Câu chuyện của các sĩ quan trẻ tích cực tham gia hiến máu nhân đạo chính là thông điệp gửi đến các chiến sĩ trẻ trong toàn quân nói riêng và các bạn trẻ cả nước nói chung: Hãy chung tay đồng hành cùng chương trình hiến máu tình nguyện để "những giọt máu cho đi, giữ nhiều trái tim ở lại".

KHOẢNG LẶNG... NỮ BINH NHÌ

NGÔ TIẾN MẠNH

A ha, bố mẹ tớ đến kìa... Bố ơi!... Mẹ ơi! Hễ nghe tiếng gọi của các bạn khi gia đình tới thăm là Thúy, Thu, Thái... lại bật khóc. Câu chuyện về gia cảnh và mơ ước nhỏ bé của những nữ binh nhì làm mắt tôi cay sè và tự hỏi: Liệu có ai biết, ngay giữa Hà Nội hào hoa và náo nhiệt, lại đang có những cô gái ở độ tuổi mười chín, đôi mươi, ngày đêm áp bờ ngực thanh xuân trên thao trường thốn thốc với những mơ ước bình dị đến thế không?

Trăm người, trăm hoàn cảnh

Gạt lại mọi nhộn nhịp, ngọt ngào, chen lấn phở phờng, tôi huyết sáo đi sâu vào con ngõ nhỏ sùi sùi đá dăm trên phường Định Công hướng tới bãi

tập của Tiểu đoàn 22, Lữ đoàn 26, Quân chủng Phòng không - Không quân, nơi có những nữ tân binh đang chập chững những bước đi đầu tiên trong đời quân ngũ.

Nhìn thấy tôi lấm lem bụi đất sau khi "đánh vật" cùng chiếc máy ảnh, Thiếu tá Phạm Hùng Cường, Trợ lý Tuyên huấn lữ đoàn cười lo lắng: "Kể ra, cánh nhà báo các anh cũng vất vả nhỉ?". Tôi bảo, cái vất vả nhất của chúng tôi là khi không còn gì để chụp, để viết nữa... chứ như thế này, chúng tôi hạnh phúc lắm.

Nói đến hạnh phúc, tôi lại thấy nhói lòng. Bởi có lẽ, hạnh phúc là cái gì đó thật mong manh giữa cuộc sống bộn bề này, để rồi khi nhìn ra xa, Thúy, Thu, Thái... vẫn đang áp thân thể thanh xuân tràn nhựa sống trườn người trên thao trường ngập nắng.

Binh nhì Phạm Thị Thúy, 19 tuổi, quê ở huyện Tứ Kỳ (Hải Dương) là một trong số ít cô gái tôi được gặp trong phút giải lao ngắn ngủi trên thao trường. Tuy nhiên, Thúy đã găm vào tôi những điều tưởng chừng nhỏ bé, đời thường nhưng hết sức đẹp đẽ. Ấy là nghị lực vượt qua khó khăn, mát mát để thực hiện ước mơ của mình. Điều mà không phải ai trong giới trẻ hôm nay cũng có được.

Năm 2004, lúc Thúy mới 11 tuổi thì mẹ Thúy không may bị căn bệnh viêm đa khớp di căn. Thế là từ ấy, thời gian bên sách vở của Thúy không bằng non nửa số thời gian lẻo đẻo theo bố lên chăm mẹ trong bệnh viện, hay đầu tắt, mặt tối làm lụng trên cánh đồng.

Rồi điều không muốn đã đến. Năm 2010, khi Thúy tròn 17 tuổi thì cũng là lúc mẹ của Thúy đã cạn sức và ra đi để lại cho bố Thúy cảnh "gà trống nuôi con".

Sáu năm chứng kiến nỗi đau đớn tuyệt vọng trong những ngày tháng cuối đời của người mẹ với căn bệnh viêm đa khớp di căn cứ ám ảnh cô gái ấy mãi. Và ngay cả trong lúc trên thao trường ngập nắng đầu mùa này, hình ảnh của mẹ làm mơ ước của cô gái được trở thành một nữ sĩ quan, một bác sĩ giỏi càng cháy lên mạnh mẽ hơn.

Kể đến đây thì Thúy bật khóc: "Em thương nhớ mẹ em nhiều lắm. Giá như nhà em có thật nhiều tiền, giá như em là một bác sĩ thật giỏi, giá như...".

Được biết, để duy trì và hy vọng điều kỳ diệu sẽ đến với mẹ, bố của Thúy đã làm tất cả những gì có thể, nhưng điều kỳ diệu ấy đã không thể xảy ra.

"Thế tại sao em không thi vào một trường y nào đó, mà lại tình nguyện vào bộ đội?" - tôi hỏi khi tiếng

nắc của Thúy tạm lắng xuống. Thúy bảo: "Có thi đỗ thì em cũng đâu có tiền để đi học. Biết là vào bộ đội sẽ vất vả, nhưng em đã quen và biết đâu điều diệu kỳ sẽ đến...".

Với Nguyễn Thị Thanh Thái, 23 tuổi, quê ở Tiên Phước, Quảng Nam lại mang tới cho tôi một nỗi buồn man mác khác.

Tháng 7 năm 2011, khi cô sinh viên năm cuối ngành Công nghệ môi trường, Trường Đại học Khoa học tự nhiên - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh đang chuẩn bị thi tốt nghiệp thì cha của Thái không may bị tai biến mạch máu não. Và trong những ngày đó, thay vì cùng bạn bè đến các nhà sách, thư viện để nghiên cứu tài liệu ôn thi tốt nghiệp thì Thái và mẹ phải lết chân đưa cha đến gõ cửa hết bệnh viện này tới phòng khám khác.

Tuy cha của Thái giữ được mạng sống, nhưng ông bị liệt nửa người và không có khả năng phục hồi. Kể đến đây, Thái khóc. Bởi cho đến nay, cuộc sống của gia đình Thái chỉ còn trông chờ vào thúng xôi sáng của mẹ.

Tôi hỏi: "Thái có biết đời sống bộ đội cũng vất vả, khó khăn lắm không?". Thái mơ màng: "Em biết chứ". "Thế sao em lại tình nguyện nhận những khó khăn

gian khổ ấy?". Thái cười và quay sang một câu chuyện khác: "Anh biết không, tuy mới nhập ngũ mà đơn vị đã quan tâm làm bảo hiểm cho thân nhân, nên em cũng yên lòng hơn khi nghĩ về bố. Mà em đã gửi về cho bố mẹ 500.000 đồng rồi đấy". Thấy tôi ngạc nhiên khi mỗi tháng phụ cấp của các em chỉ được hơn 400.000 đồng mà em đã tiết kiệm được ngần ấy, Thái cười: "Từ nhỏ em đã làm ra tiền đâu, toàn xin gia đình thôi, giờ có "lương" rồi, phải tích cóp để đền đáp công ơn gia đình chứ...". Thái tiếp tục: "Mỗi tháng, phụ cấp của chúng em cũng được hơn 400.000 đồng, tiết kiệm như em cũng còn là ít đấy anh ạ!".

Mãi nói chuyện với Thái, nên khi quay sang bên cạnh, binh nhì Trần Thị Thu đang nhạt nhòa trong nước mắt. "Lúc mới vào đơn vị, vì chưa quen với đời sống bộ đội nên em hay khóc lắm, nhưng bây giờ quen rồi em đã cố rèn cho mình là không được khóc mỗi đêm khi nhớ về bố". Câu nói của Thu, cô gái 19 tuổi quê Hải Dương khiến tôi cảm động.

Được biết, từ nhỏ Thu đã thích và mơ ước được trở thành bộ đội. Ước mơ ấy tưởng vụt tắt khi bố của Thu đột ngột ra đi vì tai nạn giao thông. Tôi hỏi Thu rằng, khi ước mơ đã thành hiện thực rồi em thấy nó có đẹp không? Thu bảo: "Sau này không biết thế nào,

chứ em thấy tuy vất vả nhưng vui. Em ước mơ được học ngành tiêu đồ. Em thích vẽ lắm".

Thiếu tá Nguyễn Tuấn Việt, Chính trị viên Tiểu đoàn 22 cho biết: "100 cô gái đến từ mọi miền đất nước là 100 hoàn cảnh khác nhau, nhưng đặc biệt trong số đó, có đến gần 10 trường hợp là có hoàn cảnh gia đình đặc biệt mà đơn vị phải luôn thường xuyên động viên về mọi mặt để các em ấy yên tâm phấn đấu vươn lên".

Chung một ước mơ

Lấy vạt áo lau nước mắt nhạt nhòa trộn trong mồ hôi quỳ lãn bụi đất thao trường, ánh mắt Thúy bùng sáng lên khi nói về mơ ước của mình.

"Em mơ ước và sẽ cố gắng để theo đuổi ước mơ được trở thành một bác sĩ thật giỏi, một cán bộ quân đội thật tốt...".

"Có phải, ai mơ ước cũng trọn ước mơ đâu". Tôi chia sẻ chân thành. Thúy ngược mắt lên khoảng không: "Nhưng em vẫn tin và sẽ theo đuổi. Trong giấc mơ về mẹ, em thấy mẹ vui lắm khi em nói về mơ ước của em". "Em sẽ làm gì để thực hiện ước mơ ấy?" - tôi hỏi. Thúy xa xăm: "Em có mang sách lên đây để

tranh thủ tận dụng thời gian ngày nghỉ, giờ nghỉ ôn tập và hy vọng..."

Tôi biết, đằng sau ước mơ của Thúy chày vời vợi nổi nhớ thương người mẹ trẻ xấu số còn có cái gì đó sâu hơn, xa hơn thế nữa. Mà có gì sâu xa và đẹp hơn khát vọng cống hiến tuổi thanh xuân, bầu nhiệt huyết cho đất nước, mà ở ngay chính nơi đây, những con người như Thúy đang ngày đêm thực hiện?

"Ngoài giờ luyện tập... chị em chúng em thường tâm sự với nhau về gia đình và cuộc sống bộ đội. Tuy các em ở đây đến từ các vùng quê khác nhau, lứa tuổi khác nhau, hoàn cảnh không giống nhau, nhưng đa phần đều có điểm chung là yêu, trân trọng và cố gắng rất nhiều với con đường mình đã lựa chọn, ấy là binh nghiệp". Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp Trần Thị Trâm, Tiểu đội trưởng cho biết.

Tiếng còi báo hiệu giờ nghỉ giải lao đã hết. Sau lời chào, các nữ binh nhì lại thoăn thoắt bước vào đội hình để tiếp tục ôn súng, sỏi mình tiến lên phía trước.

Biết rằng, khi đã lựa chọn đi theo con đường binh nghiệp thì ít ai nghĩ tới lợi ích vật chất. Nhưng, nhìn những thân gái cuộn mình trong gió bụi thao trường mang ước mơ được đứng nơi tuyến đầu Tổ quốc trong tôi vẫn day dứt một miền thương.

... Ai cũng chọn việc nhẹ nhàng

Gian khổ biết dành phần ai...

Câu hát trong bài hát *Một rừng cây, một đời người* của Nhạc sĩ Trần Long Ẩn là một câu hỏi mà không phải ai cũng trả lời cặn kẽ. Tuy nhiên, những nữ chiến sĩ tôi gặp ở Lữ đoàn 26 hôm nay đã có câu trả lời sáng rõ phần nào.

THẦY HÒA Ở CHÙA THỊNH ĐẠI

HỒNG ANH

Trên 20 năm nay, thầy Thích Việt Hòa, trụ trì chùa Thịnh Đại thuộc xã Đại Cường, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam là chỗ dựa tinh thần, kết nối tình yêu thương cho gần 30 đứa trẻ bị gia đình bỏ rơi, gặp hoàn cảnh khó khăn... Các em dần trưởng thành, yêu thương nhau, đùm bọc nhau như con một nhà...

Nơi cứu rỗi những mảnh đời bất hạnh

Năm 1989, 19 tuổi, thầy Thích Việt Hòa về chùa Thịnh Đại giúp việc cho sư cụ. Ấy cũng là lúc cái duyên với trẻ bất hạnh chạm tam quan. Thầy Thích Việt Hòa nhớ lại: "Có một cậu bé chừng bốn, năm tuổi đến chùa cứ nhìn mình cười. Thấy có duyên nên hỏi có muốn ở lại chùa không? Cậu bé đồng ý ngay".

Cậu bé ấy nhà ở trong làng, gia cảnh cực kỳ khó khăn. Và thế là, cậu trở thành "đứa con đầu lòng" của thầy Hòa.

Khi mới nhận nuôi trẻ em, thầy Hòa bị dị nghị nhiều. Người ta bảo, thầy mang con của mình về nuôi. Thời gian đầu, vừa vất vả nuôi trẻ, lại chịu điều tiếng thiên hạ, nên có lúc thầy Thích Việt Hòa cũng thấy nản. Nhưng rồi cứ nghĩ, đem lại niềm vui cho bọn trẻ bất hạnh, cũng chính là đem lại niềm vui cho mình, thầy Hòa lại cố gắng.

Dần dà, chùa đông trẻ con về ở, tai tiếng ấy cũng bay đi theo thời gian. Hoàn cảnh những đứa trẻ được thầy Hòa đưa về nuôi mỗi đứa mỗi khác. Đứa thì được nhặt ở Bệnh viện Hà Nam, đứa thì bị bỏ rơi ở cổng chùa... Tất cả các em quy tụ về chùa Thịnh Đại với bao tình thương yêu của các già và đặc biệt là sư thầy Thích Việt Hòa.

Khi nhắc đến những hoàn cảnh các cháu được đưa về chùa, cảm xúc khiến thầy Hòa chùng xuống, mắt đượm buồn. Hoàn cảnh thương tâm nhất là cháu Việt Hải. Khi mới hai tuổi, cháu bị bán cho một gia đình làm con nuôi với giá 40 triệu đồng. Được ít lâu, đầu Hải bị tróc, lở loét, trông rất sợ. Gia đình bố mẹ nuôi đem Hải đi khám và nghi là nhiễm HIV. Thế là, Hải bị bỏ rơi... Cảm thông với số phận của đứa trẻ,

thầy Hòa đã mang Việt Hải về nuôi, chữa chạy khắp nơi. Có bệnh thì "vái tứ phương", nhưng bệnh tình của Việt Hải vẫn không hề thuyên giảm. Bằng tình thương và lòng kiên trì, hằng ngày thầy Hòa chữa cho Việt Hải theo bài thuốc dân gian, lấy lá với giã với muối đắp vào đầu. Trời Phật thương tình, bé Việt Hải dần khỏi bệnh, lớn khôn và rất đẹp trai.

Ngày 17 tháng 7 năm Canh Dần (2010), một đứa trẻ mới sinh bị người ta cho vào thùng mì ăn liền vứt trước cửa một gia đình tại huyện Bình Lục (tỉnh Hà Nam). Bà chủ nhà đi tập thể dục sớm, nhìn thấy, tức giận mắng đứa nào ăn mì tôm lại vứt vỏ hộp trước nhà mình. Bực mình, bà đá văng cái hộp đi mấy mét. Chợt thấy tiếng í éo, mở ra thấy đứa trẻ. Bà mang ra trạm xá xã cân được chín lạng. Dem về nhà một ngày, bé không ăn không uống. Sợ quá, bà đem lên Bệnh viện Hà Nam. Bao nhiêu người đến xin, nhưng khi nhìn thấy cháu quá bé, họ sợ không nuôi nổi, đều rút lui. Bệnh viện không còn cách nào khác đành gọi cho thầy Hòa. Thầy lên, thấy bé nhỏ quá, cũng sợ không nuôi được. Bác sĩ Lê Văn Đoán bảo: "Niu-ton khi sinh chỉ có tám lạng, lớn lên trở thành nhà bác học".

Quay về, ra đến cổng, thầy Hòa nghĩ lại: "Chúng sinh đau khổ sao có thể làm ngơ". Rồi thầy quay lại,

nhận đứa bé, gửi bệnh viện nuôi nó trong lồng kính một tuần rồi mang về nuôi. Thầy đặt tên tục cho đứa bé là "Chín Lạng". Giờ Chín Lạng đã gần hai tuổi, rắn rỏi, bi bô suốt ngày.

Bà Lê Thị Hòa, ở xóm 8, xã Đại Cương, huyện Kim Bảng (Hà Nam), hằng ngày vẫn đến chùa để giúp thầy Hòa trông trẻ và làm những việc vặt trong chùa, tâm sự: "Tấm lòng, tình thương yêu của thầy đối với bọn trẻ không khác gì một người cha, người mẹ trong gia đình. Thầy đã dạy dỗ, chăm sóc, bảo ban các cháu nên người, khiến chúng tôi rất nể phục".

Thầy Hòa luôn dạy các con phải tự lực, thương yêu nhau. Thầy bảo, đó chính là hai yếu tố quan trọng hình thành tính cách của một con người.

Tôi đã được chứng kiến tận mắt, một em bé hơn một tuổi bị ngã, một già vội chạy ra đỡ dậy. Thầy nói, đừng đỡ, cứ để con tự đứng lên... Con ngã, thầy Hòa xót lắm. Thế nhưng, phải để các con tự đứng dậy, để sau này, chúng rắn rỏi trụ vững trước những sóng gió của cuộc đời.

Ước mơ của Chi

Trước khi đến chùa Thịnh Đại, tôi đã được nghe rất nhiều câu chuyện về các em bé được sư thầy

Thích Việt Hòa nuôi, dạy. Nhưng có lẽ, ấn tượng nhất đối với tôi là câu chuyện về một bé gái hai tuổi.

Hôm ấy, sư thầy trụ trì một chùa ở Hà Nội về xin thầy Hòa một đứa trẻ về nuôi. Thật kỳ lạ, dường như linh cảm của bé gái hai tuổi kia biết được việc ấy. Vì thế, khác hẳn mọi hôm, dù trời đã đứng bóng, bé vẫn "cố thủ" trong giường, nhất định không ra cho mọi người xem mặt. Không những thế, khi sư thầy ở Hà Nội vào, bé còn úp mặt xuống chiếu, nằm im như ngủ say. Thầy Hòa bảo, bé sợ bị xin, sợ phải xa gia đình.

Cũng hôm ấy, sư thầy ở Hà Nội "nhắm" được một bé gái chín tháng tuổi. Thông cảm với người cùng giới tu hành, lại muốn "con mình" có điều kiện tốt hơn khi về đất Thủ đô, thầy Hòa đành đồng ý. Thế nhưng, thầy ra "điều kiện", phải chờ đến cuối tuần, khi những anh chị của cháu bé có mặt đông đủ, để xin "ý kiến".

Kết quả của cuộc xin "ý kiến" ấy là, các anh trai ngồi im không nói nên lời, các chị gái khóc rờn rờn, nhất định cơm cháo nuôi em chứ không thể chia lia đại gia đình của chúng.

Kể xong câu chuyện ấy, khuôn mặt thầy Hòa rạng rỡ. Làm sao mà không vui được, những thành quả mà thầy gieo mầm đã đơm hoa kết trái ngọt. Những đứa con của thầy thực sự đã biết thương yêu

nhau, đùm bọc nhau, coi nhau như máu mủ ruột rà là thầy thấy mãn nguyện lắm rồi.

Em Vũ Mạnh Linh, hiện đang công tác tại công an huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam chia sẻ: "Em sinh ra trong một gia đình khó khăn. Đầu năm học lớp 9, bố mẹ em đột ngột qua đời. Trong một lần theo cô lên chùa, thầy gặp và biết hoàn cảnh của em. Thầy bảo, em lên chùa ở, thầy sẽ nuôi em ăn học. Thầy bảo em cứ về nhà và suy nghĩ, nếu có duyên thì lên với thầy".

Hai tuần sau, Linh lên chùa, em trở thành con của thầy Hòa. Từ đó, thầy nuôi em ăn học. Linh cho biết: "Thầy đã nuôi rất nhiều em nhỏ. Thầy dạy bảo chúng em rất nhiều, nhưng có một điều làm em nhớ mãi và coi như kim chỉ nam cuộc đời của mình. Thầy dạy, không cần các con làm ông nọ, bà kia, mà chỉ cần làm nghề gì đó giúp ích cho đời, giúp người nghèo khó. Hiện tại, một số người đã đi làm và thầy muốn anh chị em thương yêu đùm bọc lẫn nhau, chăm sóc nhau".

Người thứ hai chúng tôi được biết đến, đó là cô bé Dương Thị Chi, hiện là sinh viên năm thứ ba, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Do hoàn cảnh khó khăn, từ khi còn học lớp 5, Chi được thầy Hòa nhận về nuôi, cho ăn học và dạy dỗ nên người. Chi tâm sự: "Đối với em, ngôi chùa chính là gia đình thứ hai của

mình. Nhất là những gì thầy đã dành cho em và tất cả anh chị em trong chùa. Chúng em vô cùng biết ơn tấm lòng đó của thầy. Chúng em sẽ không bao giờ quên. Dù mai sau, có đến hết cuộc đời này, em cũng không bao giờ trả hết được ơn thầy. Ước mơ được bước chân vào cánh cổng trường đại học của em đã thành hiện thực và thầy là người có công lớn nhất. Mỗi lúc học hành vất vả, rồi những lúc gặp nỗi buồn trong cuộc sống, cứ nghĩ đến thầy là em lại cố gắng học tập thật tốt và nhất là sống trở thành người có ích cho xã hội để không phụ công chăm sóc, nuôi dưỡng của thầy".

Ngừng một lát, Chi nói tiếp: "Cũng như các anh, các chị và các em trong chùa, em mong thầy luôn mạnh khỏe để chăm sóc cho những em bé có hoàn cảnh khó khăn như chúng em. Chỉ tiếc là hiện tại, em đang đi học nên không giúp được nhiều về mặt vật chất cho các em ở chùa. Bởi vậy, em chỉ có thể tranh thủ những ngày được nghỉ về chăm sóc các em, tắm giặt, dạy các em học bài. Ước mơ lớn nhất của em là học xong, có công việc ổn định, lúc đó, em sẽ có nhiều điều kiện hơn để lo cho các em của mình, để sau này chúng lớn lên sẽ không phải mặc cảm về thân phận của mình mà tự hào vì có rất nhiều người quan tâm và yêu thương chúng".

GIÁO SƯ IA.N. DA-XU-RƠ-XKI BIỂU TƯỢNG ĐẸP CỦA TÌNH THẦY TRÒ NGA - VIỆT

Phó Giáo sư, Tiến sĩ LÊ THANH BÌNH

*Đ*oàn cựu học sinh báo chí Trường Đại học Tổng hợp Mát-xcơ-va mang tên Lô-mô-nô-xốp (MGU) do Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Đỗ Quý Doãn dẫn đầu, vinh dự được thay mặt nhiều thế hệ sinh viên, nghiên cứu sinh, thực tập sinh Việt Nam sang Liên bang Nga trao tặng Huân chương Hữu nghị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng Giáo sư, Tiến sĩ Ia.N. Da-xu-rơ-xki, vị chủ nhiệm lâu năm của Khoa Báo chí, nhà hoạt động văn hóa - xã hội và truyền thông quốc tế nổi tiếng, đã có nhiều đóng góp

tích cực đối với sự phát triển giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực cho Việt Nam, góp phần tăng cường quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa nước ta và Liên bang Nga.

Mùa thu Nga đã bắt đầu. Mới lác đác có những lá vàng xen kẽ lá đỏ trên những cây phong. Mát-xcơ-va mở rộng hơn xưa, xe cộ nhiều hơn, nhưng ánh mắt, cái nhìn, nụ cười đôn hậu, những nhóm nam, nữ sinh viên vai nặng ba lô, mặc quần bò, nói cười duyên dáng, các lối ra vào cửa tàu điện ngầm đông đúc nhộn nhịp... là những hình ảnh thân thuộc, gợi cho chúng tôi những năm tháng không quên học tập tại nước bạn.

Ngày 7 tháng 9 năm 2012, đúng 10 giờ sáng, tại Hội trường Đại sứ quán Việt Nam, trước sự có mặt đông đủ của lãnh đạo Đại sứ quán Việt Nam tại Liên bang Nga, đại diện Khoa Báo chí trường MGU, Bộ Giáo dục đào tạo Nga, Bộ Ngoại giao Nga, Giáo sư, Tiến sĩ Ia.N. Da-xu-rơ-xki cùng người thân... Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Đỗ Quý Doãn, thừa ủy quyền của Chủ tịch nước đã trân trọng gắn tấm Huân chương Hữu nghị của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam lên ngực Giáo sư, Tiến sĩ Ia.N. Da-xu-rơ-xki và trao văn bằng Huân

chương Hữu nghị cao quý trong tiếng vỗ tay nhiệt liệt chúc mừng. Thầy Ia.N. Da-xu-rơ-xki rất phấn khởi, cảm động phát biểu, bày tỏ suy nghĩ của mình về lĩnh vực hợp tác, phát triển đào tạo nhân lực giữa hai nước qua nhiều thời kỳ. Ông đánh giá đó là một trong những biểu hiện sinh động, cụ thể tình hữu nghị truyền thống, lâu đời giữa hai quốc gia, hai dân tộc. Ông cũng rất hài lòng, vui mừng vì nhiều học trò của ông đã trưởng thành. Tại buổi lễ, Phó Giáo sư, Tiến sĩ Lê Thanh Bình, Trưởng khoa Truyền thông và Văn hóa đối ngoại của Học viện Ngoại giao đã thay mặt Giám đốc Học viện trao tặng Bằng tiến sĩ danh dự của Học viện Ngoại giao Việt Nam cho thầy Ia.N. Da-xu-rơ-xki, ghi nhận những đóng góp quý báu của giáo sư về chương trình, giáo trình, phương pháp giảng dạy ngành truyền thông quốc tế tại Học viện Ngoại giao.

Trở lại thăm và làm việc với Khoa Báo chí, Trường Đại học Tổng hợp Mát-xcơ-va mang tên Lô-mô-nô-xốp, chúng tôi không khỏi bồi hồi nhớ lại những tháng năm học tập tại Khoa Báo chí thân yêu... Thấm thoát đã bốn thập kỷ trôi qua kể từ năm 1972, khi khoa báo chí Trường Đại học tổng hợp Mát-xcơ-va bắt đầu nhận đào tạo trở lại sinh viên báo chí cho Việt Nam

với khóa đầu tiên gồm bốn sinh viên là các anh Lê Phúc Nguyên (hiện nay là Thiếu tướng, Tổng biên tập Báo Quân đội nhân dân), anh Nguyễn Đăng Phát, Trưởng ban Kinh tế Thông tấn xã Việt Nam, anh Nguyễn Đình Lanh, Trưởng phân xã Thông tấn xã Việt Nam tại Mát-xcơ-va và anh Phạm Tiến Dũng, Trưởng ban ảnh Thông tấn xã Việt Nam (nguyên Tổng biên tập Báo ảnh Việt Nam). Anh Đỗ Quý Doãn còn nhớ lại những ngày anh và anh Trần Đăng Tuấn thường xuyên có mặt tại studio của khoa để làm quen với quy trình sản xuất truyền hình. Tôi nhớ mãi hình ảnh anh Đinh Thế Huynh, cùng khóa với tôi (nay là Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Tuyên giáo Trung ương) ôm trong cặp hàng trăm tờ bìa bằng lòng bàn tay để ghi chép tư liệu tại các thư viện trích từ các cuốn sách mà Giáo sư Da-xu-rơ-xki yêu cầu tìm đọc để phục vụ luận án tiến sĩ. Anh Đồng Quang Tiến và tôi vẫn nhớ các cô thủ thư nhiệt tình mà rất nguyên tắc của thư viện Khoa Báo chí...

Đón chúng tôi hôm nay, cùng với thầy Da-xu-rơ-xki (hiện là Chủ tịch khoa - chức vụ dài lâu, tôn vinh nhà khoa học có công mở ngành, xây dựng phát triển ngành báo chí truyền thông tại Khoa Báo chí - MGU),

còn có Chủ nhiệm khoa mới (cũng là học trò của thầy) là nữ Giáo sư, Tiến sĩ E.L. Va-ta-nô-va. Khoa Báo chí ngày nay được bổ sung, phát triển cả về giảng viên; hiện đại hóa chương trình giảng dạy, thư viện; trang bị mới các máy móc cho studio, phòng ảnh. Khoa có thêm ngành Quan hệ công chúng (PR) và phân Khoa Báo chí quốc tế không chỉ đào tạo các nam sinh viên người Nga có năng khiếu, giỏi ngoại ngữ như thời chúng tôi học mà nay còn mở rộng phục vụ xã hội - nhận đào tạo cả người nước ngoài có nhu cầu và nữ sinh viên Nga đủ tiêu chuẩn.

Đoàn chúng tôi tặng Giáo sư Da-xu-rơ-xki và Khoa Báo chí hai bức chân dung của Giáo sư do họa sĩ Việt Nam vẽ bằng sơn dầu. Một bức Giáo sư mang về treo tại phòng khách gia đình, bức thứ hai được bàn giao long trọng cho Phòng Truyền thống của Khoa Báo chí. Tại Phòng Truyền thống đó, không chỉ các trưởng khoa danh tiếng được treo chân dung mà những giáo sư, nhà giáo có nhiều công trình, đào tạo nhân lực, đóng góp to lớn cho sự nghiệp phát triển Khoa Báo chí đều có chỗ xứng đáng để đặt chân dung của mình.

Thời gian trò chuyện, gặp gỡ sau mấy chục năm xa cách thật cảm động. Giáo sư Da-xu-rơ-xki nhớ lại

rằng, có lần Phó chủ nhiệm khoa phụ trách vấn đề ngoại quốc Pri-va-lô-va đã báo cáo với ông về sinh viên Việt Nam - Đinh Thế Huynh là thương binh, từng chiến đấu ở mặt trận Quảng Trị ác liệt, khi sang học ở Khoa Báo chí, thỉnh thoảng cái lạnh Nga vẫn làm vết thương nhức nhối. Thầy cũng nhớ, anh Đồng Quang Tiến là bộ đội bám trụ mặt trận Nam Bộ thời chống Mỹ nhưng sang Nga học vẫn chẳng kém sinh viên trẻ. Thầy Da-xu-rơ-xki còn nhớ rất rõ anh Lê Phúc Nguyên là người nói tiếng Nga lưu loát nhất khóa. Năm 2010, khi gặp lại Thiếu tướng Lê Phúc Nguyên, trong cuộc gặp "thầy trò Xô - Việt" thầy nói: "Gần 40 năm mà anh Nguyên nói tiếng Nga vẫn nhuần nhuyễn như thừa sinh viên tại Khoa Báo chí". Thầy nhắc nhiều kỷ niệm về chuyến thăm Việt Nam đáng nhớ đó, khi thầy được các học trò cũ của mình dành cho những tình cảm quý mến đặc biệt. Thầy kể chuyện, hôm báo Nhân dân tổ chức đón thầy ở Hà Nội, anh Huynh khi thấy chiếc áo dạ thầy mặc đã sờn, đã khéo léo đặt vấn đề xin thầy chiếc áo cũ làm kỷ niệm và xin tặng thầy chiếc áo mới. Thầy đồng ý nhưng yêu cầu anh Huynh tìm đúng chiếc áo dạ do Việt Nam sản xuất, nhẹ, giản dị và không đắt. Thầy cười ấm áp: "Mùa đông lại sắp

tới rồi, thầy sẽ lại mặc chiếc áo do anh Huynh - người học trò giỏi tặng thầy".

Tại buổi làm việc, giao lưu thân tình, tôi báo cáo vấn tắt về sự tiến triển Khoa Truyền thông và văn hóa đối ngoại của Học viện Ngoại giao, thông báo với thầy là cuốn sách *Giáo trình đại cương truyền thông quốc tế* mà thầy có góp ý về nội dung, cấu trúc, cách tiếp cận... đã được chúng tôi xuất bản tại Việt Nam (Nhà xuất bản Thông tin và truyền thông ấn hành tháng 7-2012). Thầy cùng Giáo sư Chủ nhiệm khoa E.L. Va-ta-nô-va rất vui và tặng tôi ba cuốn sách chuyên môn. Tôi trân trọng gửi lời kính thăm của Thiếu tướng Lê Phúc Nguyên, do bận công tác đã không thể có mặt chúc mừng thầy. Tôi cũng thay mặt Tổng biên tập Báo Quân đội nhân dân trao tặng thầy và Khoa Báo chí món quà ý nghĩa là bức biểu trưng Báo Quân đội nhân dân và nguyện vọng của Báo Quân đội nhân dân hợp tác với khoa đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phóng viên của báo. Thầy và Ban chủ nhiệm khoa vui vẻ nhận lời và giao cho cô thư ký A. Sê-véc-xê ghi vào chương trình hợp tác. Thầy cứ tiếc là anh Phúc Nguyên vắng mặt và không được giới thiệu trực tiếp viên tướng làm báo - người học trò đã trưởng thành mà thầy rất quý mến và tự hào với nữ Giáo sư E.L. Va-ta-nô-va.

Phó Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Văn Dũng, Trưởng khoa Báo chí, Học viện Báo chí Tuyên truyền đã giới thiệu chương trình, đề án hợp tác quốc tế của khoa và đề xuất sơ bộ một số hình thức hợp tác, nhất là ý tưởng đưa nghiên cứu sinh sang thực tập ngắn hạn tại Khoa Báo chí - MGU được các thầy cô nước bạn rất tán đồng.

Nhà báo Nguyễn Đăng Phát, Trưởng ban Kinh tế Thông tấn xã Việt Nam, người đã có ba nhiệm kỳ đại diện tại Mát-xcơ-va nói về các hình thức đào tạo ngắn hạn của Thông tấn xã Việt Nam, thống kê giúp Khoa Báo chí, trường MGU tên tuổi chính xác tất cả các khóa sinh viên Việt Nam từng học tại đây... Khi báo cáo về sự trưởng thành của nhóm các nhà báo nhiếp ảnh như Phạm Tiến Dũng, Nguyễn Vinh Quang, Vũ Đức Tân, Vũ Huyền, Lê Hải... hiện công tác tại Thông tấn xã Việt Nam, Giáo sư E.L. Va-ta-nô-va đã nhấn thêm: Thế là Khoa Báo chí - MGU không chỉ nổi tiếng đào tạo các nhà lý luận báo chí, các nhà quản lý báo chí, các nhà báo tác nghiệp mà cả nhà báo ảnh cho Liên bang Nga và nhiều nước khác. Anh Phát xác nhận và cho biết là Thông tấn xã Việt Nam hiện nay đã có kênh truyền hình riêng, nên nhóm phóng viên thường trú tại Mát-xcơ-va có thể tranh thủ sự hỗ

trợ, hợp tác của Khoa Báo chí - MGU khi cần thiết để làm cả tin cho báo in lẫn tin, bài cho chương trình truyền hình thông tấn. Anh Đỗ Quý Doãn bận các hoạt động với cơ quan hữu quan nên không dự các buổi làm việc tại khoa nhưng đã tranh thủ trao đổi kinh nghiệm với thầy từ những hôm trước và giao bộ phận chức năng thiết kế các chương trình hợp tác, trao đổi cụ thể không chỉ với Khoa Báo chí, trường MGU mà các đối tác khác theo kế hoạch của Bộ Thông tin và truyền thông.

Sau khi đoàn chúng tôi về nước được mấy hôm, anh Đinh Thế Huynh có chương trình làm việc tại Mát-xcơ-va đã tranh thủ thời gian đến khoa thăm thầy Da-xu-rơ-xki kính yêu một buổi. Là người mẫn cảm, bước vào phòng cũ của thầy, nắm chặt bàn tay người thầy, lặng yên quan sát khắp căn phòng quen thuộc, anh Huynh nhận ra ngay sự thay đổi đầu tiên là trên bức tường rộng cạnh cửa chính đã treo ngay ngắn tám bằng Tiến sĩ danh dự bằng hai thứ tiếng của Học viện Ngoại giao tặng thầy Da-xu-rơ-xki. Những người trong đoàn đại biểu đi cùng đều xúc động lắng nghe những lời tâm sự của anh Huynh với thầy về cuộc sống, về người tốt, về nghề nghiệp...

Hôm nay ngồi viết những dòng này, chúng tôi càng thấy chính sách hợp tác với nước ngoài đào tạo nhân lực của nhà nước ta hơn 60 năm qua là vô cùng đúng đắn và hiệu quả. Có biết bao người thầy như Giáo sư Da-xu-rơ-xki đã dành tâm huyết, công sức, trí tuệ, với tất cả tấm lòng và tình yêu Việt Nam, giúp chúng ta đào tạo đội ngũ cán bộ hùng hậu trên tất cả các lĩnh vực. Nhớ và biết ơn người thầy kính mến của mình, lòng chúng tôi lại nhớ đến nước Nga, nhân dân Nga, trong khó khăn, vẫn dành cho Việt Nam sự giúp đỡ chí tình, chí nghĩa. Thời gian qua đi nhưng tình hữu nghị, tình người, nhân văn, sâu đậm, dài lâu, ý nghĩa... và những quan hệ thầy trò, bạn bè, đồng môn quốc tế thì còn mãi, góp phần tô đậm trang sử đẹp đẽ của tình hữu nghị và hợp tác giữa hai dân tộc. Với riêng chúng tôi, những người làm báo, cựu sinh viên báo chí trường MGU, Giáo sư Ia.N. Da-xu-rơ-xki mãi mãi là hình ảnh đẹp trong trái tim, biểu tượng tình hữu nghị Việt - Nga.

"HÙNG CÁ"

TRẦN TRỌNG TRUNG

*N*gười dân quanh vùng thường gọi anh là "Hùng cá". Biệt danh này cũng được anh đặt tên cho Công ty và trang web của Công ty. Anh Trần Văn Hùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty trách nhiệm hữu hạn Hùng Cá không chỉ là "đại gia" trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long, anh còn nặng lòng với các hoạt động xã hội - từ thiện, được nhiều người ngưỡng mộ.

Vươn lên từ gian khó

"Hùng cá" là con thứ năm trong một gia đình nghèo ở huyện biên giới Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Gia cảnh khốn khó nên anh không được học hành tới

nơi tới chốn. Chưa hết lớp ba anh phải nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình thả lưới, giăng câu, đóng đày, tát đìa... "Lúc rảnh, tôi còn làm mướn và thức khuya dậy sớm để hái bông điên điển, cọng rau muống, bông súng... đem ra chợ bán đổi từng lon gạo sinh sống qua ngày. Đến năm 20 tuổi, tôi được một gia đình thương tính thật thà, chịu khó nên gả con gái và cho mảnh đất nhỏ cạnh dòng Tiền Giang để cất căn chòi ra ở riêng...", anh Trần Văn Hùng kể.

Có vợ rồi có con, cuộc sống của Hùng ngày thêm cơ cực, vất vả hơn vì phải lo cho con cái ăn, cái mặc và học hành. Sau nhiều đêm trăn trở, anh Hùng quyết định sang Cam-pu-chia tìm cơ hội. Bằng những kinh nghiệm trong nghề đánh bắt thủy sản, cộng với việc được đấu thầu khai thác, sau hơn 7 năm làm việc cực nhọc và chi tiêu tần tiện, cuối cùng anh Hùng cũng tích góp được lưng vốn hơn 10 lượng vàng. Trở về quê nhà, năm 1987, anh Hùng đầu tư vốn đóng hai chiếc bè gỗ neo đậu dưới lòng sông Tiền để nuôi cá ba sa. Từ đây, cuộc sống của gia đình anh đã bước sang một trang mới.

Đến năm 1997, anh Hùng đã phát triển thêm lên bảy chiếc bè gỗ lớn, mỗi năm xuất hơn 3.000 tấn cá ba sa thương phẩm, thu nhập hơn 4 tỷ đồng. Biệt danh

"Hùng cá" bắt đầu lan rộng khắp vùng châu thổ. Sau đó, nhận thấy việc nuôi cá tra có tiềm năng lớn do giá cả ổn định, "Hùng cá" quyết định chuyển sang nuôi loại cá này. Anh đầu tư vốn mua 6ha đất bãi bồi ven sông Tiền, thuê máy nạo vét thành bốn cái hồ lớn rồi thiết kế đê, bưng và hệ thống thoát nước, nơi xử lý nước làm sạch môi trường... để phát triển nghề nuôi cá tra trên đất bãi bồi... Nhờ áp dụng đúng quy trình kỹ thuật, ngay ở vụ nuôi đầu, "Hùng cá" đã thu hoạch hơn 1.000 tấn cá tra thương phẩm, thu về hơn một tỷ đồng. Từ kết quả này, "Hùng cá" tiếp tục mua và thuê thêm đất đào ao mở rộng nghề nuôi cá da trơn... Đến năm 2005, trang trại nuôi cá tra của "Hùng cá" đã lên đến 40 ao, mỗi ao rộng khoảng một héc-ta. Hằng năm, trang trại của anh xuất bán ra thị trường gần 20.000 tấn cá thương phẩm, doanh thu đạt gần 300 tỷ đồng. Năm 2006, "Hùng cá" quyết định đầu tư 60 tỷ đồng mua thêm 12ha đất trong cụm Công nghiệp Bình Thành, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp để xây dựng nhà máy, trang bị dây chuyền chế biến cá tra xuất khẩu hiện đại, đạt tiêu chuẩn châu Âu.

Cuối tháng 3 tháng 2007, nhà máy đi vào hoạt động, mỗi tháng chế biến được hơn 600 tấn cá tra, cá

ba sa thành phẩm xuất sang thị trường các nước châu Á, châu Âu và Trung Đông... tạo việc làm cho 1.500 lao động.

Tăng trưởng 1000%

Năm 2008, Công ty trách nhiệm hữu hạn Hùng Cá xây dựng nhà máy chế biến công suất thiết kế 150 tấn cá nguyên liệu/ngày, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng Quốc tế ISO 9001:2008, xây thêm phân xưởng công suất chế biến đạt 600 tấn cá thành phẩm/tháng... Năm 2009, Công ty trách nhiệm hữu hạn Hùng Cá kết hợp với Công ty Cổ phần Vạn Ý và Công ty Hoàn Châu xây dựng nhà máy chế biến thực phẩm trên diện tích 6ha tại Cụm Công nghiệp Bình Thành, chuyên chế biến cá phi lê, thực phẩm đồ hộp và sản phẩm giá trị gia tăng bằng công nghệ châu Âu - Nhật Bản. Tổng công suất mỗi năm 72.000 tấn cá nguyên liệu; 30.000 tấn cá phi lê thành phẩm và 5.000 tấn đồ hộp... Hiện nay, "Hùng cá" đang đầu tư vốn nuôi thủy sản nguyên liệu hơn 500ha đất tại các huyện Hồng Ngự, Thanh Bình, Tam Nông trên vùng lũ Đồng Tháp Mười...

Công ty trách nhiệm hữu hạn Hùng Cá được công nhận đạt chuẩn Global GAP và các chứng nhận

SGS, HALQL, BRC ISF, HACCP, PMP... Việc tuân thủ quy trình quốc tế về hệ thống nước, ao nuôi, kỹ thuật nuôi và hệ thống nhà máy chế biến cá tốn rất nhiều kinh phí, nhưng bù lại cá nuôi ít bệnh, sản lượng tăng từ 3 đến 5%, nâng cao chất lượng sản phẩm và hạ được giá thành. Công ty trách nhiệm hữu hạn Hùng Cá hiện đang giải quyết việc làm cho hàng ngàn lao động nhân rỗi ở địa phương...

Trong năm 2011 và 6 tháng đầu năm 2012, một số nhà máy phải tạm ngừng hoạt động hoặc sản xuất cầm chừng vì thiếu nguyên liệu, nhưng Công ty trách nhiệm hữu hạn Hùng Cá vẫn duy trì đủ nguồn cá tra nguyên liệu để hoạt động ổn định. Bởi, Công ty đã chủ động xây dựng vùng nuôi cá tra hơn 312ha và liên kết với nhiều hộ nuôi ở các huyện, thị xã trong tỉnh...

Năm 2012, "Hùng cá" đã đầu tư hàng chục tỷ đồng xây dựng trang trại Như Ý, quy mô 52ha tại xã Phú Thọ và xã Phú Thành B, huyện Tam Nông để mở rộng diện tích nuôi cá tra, tôm và thu mua tôm càng xanh của nông dân. Năm 2006, Công ty chỉ đạt doanh thu 89 tỷ đồng, đến cuối năm 2011, doanh thu đã tăng lên hơn 10 lần, đạt 1.000 tỷ đồng! Anh Trần Văn Hùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty trách nhiệm hữu hạn Hùng Cá cho biết: "Có được kết quả

như ngày hôm nay là nhờ các yếu tố "thiên thời, địa lợi, nhân hòa" và cũng nhờ bản lĩnh trong cách nghĩ cách làm. Đặc biệt là có sự hỗ trợ kịp thời từ nguồn vốn cho vay của các ngân hàng. Đây là người bạn đồng hành thân thiết trên bước đường phát triển đi lên của chúng tôi từ lúc mới đóng bè khởi nghiệp nuôi cá cho đến nay".

Trách nhiệm cộng đồng

Không chỉ chú tâm phát triển sản xuất, kinh doanh, "Hùng cá" còn nặng lòng với những mảnh đời gian khó. Hằng năm, anh đều trích khoảng 2 tỷ đồng quỹ phúc lợi của Công ty để làm công tác từ thiện, xã hội. "Hùng cá" luôn tìm hiểu những thông tin liên quan đến các học sinh đang gặp khó khăn, hộ dân còn khốn khó, người cơ nhỡ tật nguyền... để chia sẻ, giúp đỡ. Với những việc làm thiết thực, "Hùng cá" đã đóng góp tích cực trong công tác từ thiện xã hội ở địa phương như: Cát nhà tình thương, trao quà, giúp đỡ tiền mặt... cho những hộ nghèo, neo đơn, không nơi nương tựa; hỗ trợ học bổng cho những học sinh nghèo vượt khó học giỏi, đóng góp Quỹ vì người nghèo của các địa phương, xây dựng nhà tình thương, hỗ trợ phẫu thuật mắt, thay thủy tinh thể

đem lại ánh sáng cho người mù nghèo, hỗ trợ phẫu thuật tim... Tại đêm văn nghệ "Nghĩa tình Đồng Tháp" được tổ chức tại Nhà hát Thành phố Hồ Chí Minh, "Hùng cá" đã trao tặng 1 tỷ đồng vào Quỹ xây dựng nhà tình thương của tỉnh Đồng Tháp... Trong đợt thiên tai lũ lớn năm 2011 và mừng Xuân Nhâm Thìn 2012, "Hùng cá" đã chi hàng tỷ đồng để thực hiện công tác từ thiện xã hội... Chỉ tính hơn 6 năm gần đây, tổng giá trị tiền và vật chất mà "Hùng cá" đã chi lên tới hàng trăm tỷ đồng làm từ thiện xã hội... Sự hào hiệp của anh đã góp phần giúp đỡ những hộ nghèo vượt qua khó khăn vươn lên trong cuộc sống, nhiều học sinh nghèo vượt qua nghịch cảnh để tiếp tục đến trường, những người tật nguyền vượt lên chính mình để hòa nhập cộng đồng...

Trong cuộc gặp với chúng tôi mới đây, "Hùng cá" tâm sự: "Tiền của bao nhiêu tiêu cũng hết, cái quý nhất còn lại chính là tình người. Tôi thấy xung quanh mình còn nhiều bà con nghèo khổ, không nơi nương tựa, học sinh khó khăn... Mỗi khi giúp được một người nghèo có nhà ở ổn định, người mù nghèo sáng mắt, học sinh nghèo tiếp tục đến trường... lòng tôi tràn ngập niềm vui và hạnh phúc!...".

Đầu năm 2008, "Hùng cá" được tin nhiệm bầu giữ chức phó Chủ tịch Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo huyện Tam Nông nhiệm kỳ 2007-2012. "Hùng cá" luôn quan tâm đến đời sống sinh hoạt của lực lượng công nhân trong Công ty. "Hùng cá" tâm sự: "Công ty có lời 10 đồng, thì tôi trích ra từ ba đến bốn đồng để chăm lo đời sống của công nhân và làm công tác từ thiện xã hội. Có như vậy mới bền! Năm 2010 và 2011, Công ty xuất quỹ phúc lợi xây tặng 67 căn nhà tình thương cho công nhân, cùng nhiều quà tặng giá trị khác. Mỗi căn nhà trị giá từ 20 triệu đồng trở lên... Công nhân thấy Công ty quan tâm chăm lo đời sống sinh hoạt cho mình thì anh em cũng ra sức làm việc và bảo quản tài sản, xem tài sản của công ty như tài sản của chính mình!".

ĐẠI TÁ, BÔNG VẢI VÀ THUỐC PHÒNG

LÊ LONG KHÁNH

*T*ôi thường dùng cụm từ này để biểu lộ tình cảm, sự ngưỡng mộ của mình đối với Đại tá, Phó Giáo sư, Tiến sĩ Ngô Văn Giao, Viện trưởng Viện Thuốc phòng thuốc nổ, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng mỗi lần có dịp trò chuyện cùng anh. Tôi biết anh Giao từ khi anh còn là Chủ nhiệm Bộ môn Thuốc phòng thuốc nổ của Học viện Kỹ thuật Quân sự. Mỗi lần gặp anh, nhìn bề ngoài tôi vẫn không nhận ra được điều gì khác biệt ở anh. Dáng người hao gầy, khuôn mặt nhiều lúc thoảng chút ưu tư, nhưng khi trò chuyện thì say sưa tới mức quên cả ăn. Đặc biệt, mỗi lần gặp tôi anh đều chia sẻ một thành công mới.

Ý tưởng khoa học từ nỗi nhọc nhằn của mẹ

Đó là câu chuyện tôi tình cờ được nghe anh kể trong thời gian chờ tới giờ khai mạc lễ tôn vinh các nhà giáo giỏi do Bộ Quốc phòng tổ chức năm 2007. Ngày đó, anh mới được bổ nhiệm chức Phó trưởng phòng Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường của Học viện Kỹ thuật Quân sự; đồng thời vừa được Nhà nước phong hàm Phó giáo sư. Câu chuyện của anh bắt đầu từ kết quả bảo vệ luận án tiến sĩ xuất sắc năm 2002 với đề tài: "Nghiên cứu nâng cao chất lượng xenlulo bông trong nước dùng trong công nghệ sản xuất thuốc phóng nitroxenlulo". Luận án đã nghiên cứu một cách khoa học và khá đầy đủ về sản lượng, năng suất và chất lượng xơ của các giống bông lai như VN35, L18... ở nước ta dùng cho chế tạo nitroxenlulo trong công nghệ sản xuất thuốc phóng. Thực tình, lúc đó tôi không quan tâm nhiều đến đề tài tiến sĩ của anh mà lại thích nghe anh nói những chuyện "bên lề". Anh kể: Mình sinh ra ở Thái Bình, một vùng quê thuần nông. Mấy anh em mình đều lớn lên, trưởng thành từ những hạt lúa, củ khoai qua bàn tay cấy trồng của mẹ. Nhiều hôm, vì nhà nghèo nên ăn khoai mãi cũng chán, anh em mình hay than phiền với mẹ thậm chí còn mang chuyện hàng xóm

ra để so sánh. Những lần như thế, mẹ chỉ cười rồi động viên anh em mình ăn nhanh còn đi học. Một hôm, đêm đã rất khuya, mẹ đứng lặng bên bàn chăm chú theo dõi mình học bài. Mẹ đứng từ khi nào mình không hay biết. Đêm đó, mẹ nói với mình rất nhiều điều về lẽ sống, về cách sống, cách làm người. Điều làm mình day dứt là những câu chuyện mẹ kể cho nghe về sự vất vả của người nông dân. Quả thật, lúc đó mình không hiểu hết, nhưng sau này lớn lên, được học hành, mình mới nhận ra: Khó khăn, vất vả, cơ cực của người nông dân trong câu chuyện của mẹ không phải ai xa lạ mà đó là cuộc đời của chính mẹ. Mẹ nói: "Con gắng học hành tới nơi, tới chốn để sau này có điều kiện làm gì đó giúp đỡ được người nông dân. Lao động của người nông dân vất vả lắm, nhưng cuộc sống thì rất cơ cực. Người nông dân làm ra được hạt thóc, củ khoai cũng mất tới nửa năm, nhưng đem ra chợ bán thì chẳng được bao nhiêu tiền. Vì thế, sau này lớn lên, con nghĩ được gì có lợi cho người nông dân thì gắng mà làm...".

Và chính từ những điều tưởng bình thường, giản dị ấy của mẹ, sau này khi được đào tạo trở thành kỹ sư Thuốc phóng thuốc nổ anh luôn mơ ước có thể dành trọn tâm trí, sức lực của mình cho đề tài khoa

học với mục đích sản xuất được thuốc phóng từ xenlulo Việt Nam, vừa để thỏa nguyện khát vọng của mẹ, vừa góp phần thúc đẩy ngành công nghiệp quốc phòng phát triển.

Kích thích sản xuất, tiết kiệm ngoại tệ

Đó là giá trị của đề tài nghiên cứu cấp Bộ Quốc phòng kết thúc năm 2009: "Nghiên cứu công nghệ chế tạo nitroxenlulo cho sản xuất thuốc phóng từ nguồn nguyên liệu xenlulo bông trong nước ở quy mô phòng thí nghiệm" cho phép xác định giống bông thích hợp dùng trong sản xuất thuốc phóng. Và mới đây, đề tài nghiên cứu cấp Bộ Quốc phòng: "Hoàn thiện công nghệ chế tạo thuốc phóng từ nguồn nguyên liệu xenlulo bông trong nước" được Đại tá, Phó Giáo sư, Tiến sĩ Ngô Văn Giao cùng các cộng sự ở Viện Thuốc phóng thuốc nổ tiến hành nghiên cứu được Hội đồng Khoa học cấp Bộ Quốc phòng nghiệm thu đánh giá đạt loại xuất sắc. Nói về giá trị của đề tài, anh Giao cho biết:

- Để sản xuất thuốc phóng, người ta sử dụng nitroxenlulo có hàm lượng ni-tơ từ 10,5% đến 13,8%. Nguyên liệu ban đầu cho sản xuất nitroxenlulo đều từ xenlulo bông (yêu cầu có hàm lượng α - xenlulo

trên 95%) và xenlulo gỗ (yêu cầu có hàm lượng α - xenlulo trên 92%). Đối với các nước, nhất là những nước có nền công nghiệp quốc phòng phát triển, nguồn nguyên liệu xenlulo gỗ, người ta đi từ gỗ thông có hàm lượng α - xenlulo từ 54% đến 56% và phải dùng công nghệ nấu sunfit để có thể thu α - xenlulo trên 92%. Trong khi đó ở nước ta sản lượng gỗ thông rất thấp, phân tán, lại có thời gian sinh trưởng dài (25 - 30 năm), các nguồn gỗ khác đa dạng nhưng hàm lượng α - xenlulo thấp từ 40% đến 45% non già khác nhau, chứa nhiều tạp chất ảnh hưởng đến công nghệ chế tạo nitroxenlulo và thuốc phóng. Hơn nữa, chúng ta chưa có công nghệ nấu sunfit mà đang phải áp dụng công nghệ nấu sunfat nên chất lượng xenlulo không cao, chi phí lớn. Để chế biến hóa học, người ta sử dụng xơ bông ngắn (xenlulo lintơ có chiều dài xơ 8mm đến 12mm là phần còn lại trên hạt bông sau khi đã lấy các sợi dài phục vụ công nghiệp dệt) là có lợi nhất. Hàm lượng α - xenlulo trong lintơ bông thường trên 90% nên việc nâng cao chất lượng đủ tiêu chuẩn sản xuất nitroxenlulo sẽ đỡ tốn kém, hơn nữa lượng tạp chất còn lại trong xenlulo lintơ nhỏ, nitroxenlulo và thuốc phóng sẽ có chất lượng tốt và độ bền hóa học cao hơn.

Từ những phân tích trên của Đại tá, Phó Giáo sư, Tiến sĩ Ngô Văn Giao có thể nhận thấy: Bông vải là nguyên liệu lý tưởng để phục vụ cho việc sản xuất thuốc phóng. Hơn nữa, bông vải được người dân trồng tại nhiều địa phương, tập trung ở các vùng duyên hải Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ với sản lượng hơn 100.000 tấn/năm phục vụ cho ngành công nghiệp dệt may. Đặc biệt, Đại tá, Phó Giáo sư, Tiến sĩ Ngô Văn Giao cho rằng, dùng bông vải làm nguyên liệu sản xuất thuốc phóng không chỉ kích thích người nông dân mở rộng vùng chuyên canh bông, mà còn là điều kiện để tận thu toàn bộ sản phẩm sau khi lựa chọn những sợi bông dài phục vụ ngành công nghiệp dệt may. Lý giải với tôi về điều này, anh Giao nói:

- Nguyên liệu phù hợp và tốt nhất để phục vụ quá trình sản xuất thuốc phóng từ bông vải là tận thu những sản phẩm sau khi người dân đã khai thác bán cho các nhà máy dệt. Nếu tận dụng tốt nguồn nguyên liệu này để phục vụ sản xuất thuốc phóng không chỉ tăng thêm thu nhập cho chính người dân, chủ động được nguồn nguyên liệu sản xuất thuốc phóng, mà còn tiết kiệm được rất nhiều ngoại tệ cho đất nước. Vì từ trước tới nay, việc các nhà máy quốc

phòng của ta tổ chức sản xuất thuốc phóng phục vụ nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, nguyên liệu xenlulo ban đầu đều phải phải nhập ngoại. Mặt khác, trước yêu cầu mới của nhiệm vụ phát triển công nghiệp quốc phòng, những năm gần đây Đảng, Nhà nước, quân đội đã quan tâm, đầu tư dây chuyền sản xuất thuốc phóng hiện đại, nhưng việc khai thác vẫn chưa hết công suất, vì nguyên liệu xenlulo đầu vào chủ yếu được nhập ngoại.

Thành công của đề tài trên mà Đại tá, Phó Giáo sư, Tiến sĩ Ngô Văn Giao và các cộng sự ở Viện Thuốc phóng thuốc nổ thực hiện không còn là ý tưởng mà bước đầu đã được chứng minh bằng những sản phẩm thực tế. Đặc biệt, qua quá trình lao động nghiêm túc, từ những sản phẩm ra đời tại phòng thí nghiệm, đến nay được phép của Thủ trưởng Bộ Quốc phòng và Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng, nhóm tác giả đã tiến hành sản xuất thử trên dây chuyền công nghiệp nhà máy ZX thu được kết quả cao.

Nỗi niềm và sự mong ước

Mong ước lớn nhất của bất kỳ nhà khoa học nào cũng muốn công trình nghiên cứu của mình được

ứng dụng vào thực tiễn. Tuy nhiên, thực tế không phải nhà khoa học nào cũng toại nguyện, bởi có rất nhiều lý do khác nhau. Vì thế, sau khi nghe tôi hỏi: "Anh mong muốn gì nhất ở đề tài này?", Đại tá, Phó Giáo sư, Tiến sĩ Ngô Văn Giao lặng đi hồi lâu rồi nói:

- Với tôi và các cộng sự ở Viện Thuốc phóng thuốc nổ, đây không chỉ đơn giản là một đề tài khoa học, mà đó là tất cả những gì chúng tôi tâm huyết nhất. Để có được thành công như ngày hôm nay, tôi và nhiều đồng nghiệp đã rất trăn trở và vất vả. Sản phẩm ra đời đáp ứng được những yêu cầu hết sức khắt khe của thực tiễn: Thuận lợi trong khai thác nguồn nguyên liệu; mang lại giá trị kinh tế; tiết kiệm ngân sách Nhà nước; khai thác, làm chủ công nghệ, nguồn nguyên liệu và đặc biệt là góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của đất nước phát triển. Tôi không phải là người "chưa làm đã nói hay", bởi làm khoa học, nhất là trong lĩnh vực này phải đặt lên hàng đầu sự thận trọng, tính chính xác, an toàn, nhưng dù khiếm tốn đến mấy thì sản phẩm của chúng tôi nghiên cứu, chế tạo ra cũng đáp ứng tốt các yêu cầu nêu trên.

HẠNH PHÚC LÀ ĐƯỢC LAO ĐỘNG VÀ CỐNG HIẾN

DUY MINH

*S*on nửa đời người say mê, gắn bó với nghề, bác sĩ Nguyễn Thị Ngọc Phượng chưa bao giờ tự thỏa mãn với những gì mình làm được. Ở cái tuổi xấp xỉ 70, nữ bác sĩ sản khoa hàng đầu Việt Nam vẫn hăng say làm việc với mong muốn nâng cao sức khỏe sinh sản cho phụ nữ Việt Nam. Với bà, được lao động, giúp đỡ mọi người là niềm hạnh phúc vô bờ. Bà đã sống, làm việc hết mình vì tâm niệm đó...

Linh hồn của chương trình đào tạo cô đỡ thôn bản

Nhắc đến bác sĩ Nguyễn Thị Ngọc Phượng người ta thường nói đến công trình "thụ tinh trong ống nghiệm" mà bà đã dày công nghiên cứu và áp dụng

thành công tại Việt Nam. Nhưng ít người biết rằng, nữ bác sĩ tài giỏi này cũng là người đầu tiên khởi xướng chương trình đào tạo cô đỡ thôn bản, góp phần nâng cao sức khỏe sinh sản cho hàng nghìn bà mẹ ở nhiều vùng quê nghèo khó của đất nước.

Ý tưởng đào tạo đội ngũ cô đỡ thôn bản ở những vùng sâu, vùng xa được bà ấp ủ và theo đuổi khi còn là nữ bác sĩ trẻ công tác tại Bệnh viện Từ Dũ. Hồi đó, dù công việc bận rộn đến đâu bà vẫn cố gắng thu xếp thời gian cùng các đồng nghiệp đến những vùng nông thôn, miền núi để khám, chữa bệnh miễn phí. Sau mỗi chuyến đi, hình ảnh đọng lại trong bà là niềm vui của người dân nghèo được khám bệnh, cấp thuốc và cả những câu chuyện đau buồn về các bà mẹ và trẻ sơ sinh.

Bác sĩ Phượng tâm sự: "Tôi những buôn làng dân tộc, thấy hầu hết phụ nữ đều không có kiến thức y tế. Do lam lũ với đồng áng, lao động vất vả trong môi trường thiếu vệ sinh nên chị em rất dễ mắc các bệnh phụ khoa, nhiều trường hợp phát hiện ra thì bệnh đã rất nặng. Mặt khác, nhiều nơi vẫn tồn tại các tập tục cổ hủ, đe dọa trực tiếp đến tính mạng của bà mẹ và trẻ em. Nhiều trường hợp cả mẹ và con đều tử vong. Thương tâm lắm!".

Làm gì để giảm tỷ lệ tử vong mẹ và trẻ sơ sinh ở vùng sâu, vùng xa? Câu hỏi đó cứ ám ảnh, day dứt nữ bác sĩ sản khoa. Sau thời gian nghiên cứu và tìm hiểu, bác sĩ Phượng đưa ra ý định đào tạo đội ngũ cô đỡ là người của các thôn, bản để chăm sóc tốt hơn cho chị em trong việc sinh nở. Theo bà, đội ngũ cô đỡ thôn bản là người sống trong cộng đồng, nắm chắc ngôn ngữ, hiểu rõ phong tục tập quán nên sẽ dễ dàng truyền đạt những kiến thức cần thiết về sức khỏe sinh sản cho người dân địa phương.

Trước khi khởi động, chương trình cô đỡ thôn bản vấp phải không ít ý kiến phản đối. Nhiều người cho rằng, để đào tạo ra một "bà đỡ" có chuyên môn và làm được việc khi ra trường, tốn rất nhiều thời gian và công sức. Họ e ngại chương trình sẽ thất bại vì đối tượng đào tạo đều là người dân tộc, trình độ học vấn thấp và chưa nói thành thạo tiếng Việt. Dù vậy, bác sĩ Phượng, khi đó đang là Giám đốc Bệnh viện, vẫn quyết tâm thực hiện với suy nghĩ chương trình sẽ mang lại hiệu quả rất lớn sau này. Ngay sau đó, lớp đào tạo cô đỡ thôn bản đầu tiên với 40 học viên được khai giảng tại Bệnh viện Từ Dũ vào năm 1996.

Không thể kể hết những khó khăn mà bà và tập thể bác sĩ bệnh viện phải vượt qua trong quá trình

đào tạo những cô đỡ thôn bản đầu tiên. Với phương châm "cầm tay chỉ việc", mỗi nữ hộ sinh của bệnh viện nhận kèm từ một cho đến ba học viên. Nhiều học viên không biết tiếng Việt, được các bác sĩ và nữ hộ sinh tận tình chỉ bảo từ việc sử dụng cặp nhiệt độ cho đến cách cầm kim tiêm. Bên cạnh việc giảng dạy chuyên môn, các nữ hộ sinh còn phải chăm lo từng bữa ăn, chỗ ở, nơi sinh hoạt cho các học viên. Bác sĩ Phượng nhớ lại: "Dù là người dân tộc thiểu số, trình độ học vấn thấp nhưng các em học cũng nhanh lắm. Nhiều em mới học không thể nói được tiếng Việt nhưng đến khi tốt nghiệp đã đọc thông, viết thạo và có kiến thức chuyên môn rất khá".

Từ năm 1996 đến nay, chương trình đào tạo cô đỡ thôn bản do bác sĩ Phượng khởi xướng được nhân rộng và phát triển trên khắp cả nước. Theo bà ước tính, chương trình đào tạo cô đỡ thôn bản đã cho "ra lò" hơn 1.000 cô đỡ đang làm việc tại khu vực Tây Nguyên, duyên hải miền Trung và các tỉnh miền núi phía Bắc. Mạng lưới cô đỡ thôn bản ngày càng khẳng định vai trò thiết thực trong việc bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cộng đồng, góp phần giảm tử vong ở bà mẹ và trẻ sơ sinh. Hiệu quả của chương trình mang lại là niềm hạnh phúc lớn cho tập thể bác sĩ Bệnh viện Từ Dũ, đặc biệt là cá nhân bác sĩ Phượng.

Nặng lòng với người nghèo

Nghỉ hưu từ năm 2006 nhưng rất hiếm khi bác sĩ Phượng có được một ngày nghỉ trọn vẹn. Bà luôn là người bận rộn với lịch làm việc kín mít. Một phần là do bà đang cộng tác với một số bệnh viện và các cơ sở sản khoa trong cả nước. Mặt khác, bà đang đảm nhiệm cùng lúc nhiều chức vụ quan trọng của các tổ chức xã hội và thường xuyên tham gia các hội thảo khoa học trong và ngoài nước. Quỹ thời gian eo hẹp như vậy nhưng cuối tuần bà vẫn cố gắng tổ chức các chuyến đi khám bệnh, tặng quà miễn phí cho người nghèo trên cả nước. Bà thường tâm sự: "Tôi không cho phép mình nghỉ ngơi bởi các chị em nghèo ở vùng sâu, vùng cao còn mắc nhiều bệnh tật lắm".

Bác sĩ Phượng cho biết: Tỷ lệ tử vong mẹ và trẻ sơ sinh ở các vùng đông người dân tộc còn ở mức rất cao. Đặc biệt, ở vùng sâu, vùng xa, tỷ lệ tử vong thường cao hơn gấp 3 lần so với vùng đồng bằng và gấp 10 lần so với các thành phố lớn như Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên nhân dẫn đến thực trạng trên là do chất lượng dịch vụ y tế thấp, thiếu nước sạch, khả năng tiếp cận cơ sở y tế của người dân hết sức khó khăn do địa hình, phương tiện vận chuyển và thiếu cán bộ y tế có chuyên môn... Bà

mong rằng, sẽ có nhiều cô đỡ thôn bản để giúp đỡ người dân nghèo tại những vùng sâu, vùng xa.

Dù mạng lưới cô đỡ thôn bản đang mang lại nhiều hiệu quả tích cực nhưng số lượng cô đỡ vẫn ở mức thấp và chế độ đãi ngộ cho họ chưa cao. Chỉ tính riêng tại tỉnh Hà Giang, số lượng cô đỡ thôn bản chưa đến 30 người nhưng có đến hàng trăm thôn bản của người dân tộc thiểu số. Mặt khác, đội ngũ cô đỡ thôn bản cũng đang phải đối mặt với rất nhiều khó khăn do thiếu chính sách hỗ trợ. Nhiều cô đỡ thôn bản chỉ nhận được vền vền 50.000 đồng/tháng tiền hỗ trợ của địa phương. Đây là số tiền quá ít ỏi so với công sức mà các cô đỡ thôn bản đã cống hiến. Hiểu được khó khăn của các cô đỡ thôn bản, bác sĩ Phượng không ít lần bỏ tiền túi hỗ trợ để các cô tiếp tục công việc. Bà còn tích cực vận động nhiều tổ chức, đơn vị và nhà hảo tâm tham gia giúp đỡ các lớp đào tạo cô đỡ thôn bản trong cả nước.

Hiện tại, bác sĩ Phượng đang đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo Thành phố Hồ Chí Minh. Bà phụ trách phần chăm sóc phụ nữ và trẻ em nghèo vùng sâu, vùng xa nên thường xuyên tổ chức các hoạt động từ thiện trên khắp cả nước. Nhiều chương trình từ thiện lớn do bà

tự đứng ra tổ chức và chi trả. Khi được hỏi về kinh phí tổ chức, bác sĩ Phượng vẫn thường đùa rằng: "Ngoài tiền con cái tặng, tôi đi làm cũng kiếm được chút đỉnh. Nếu không tiêu gì thì tiền nó "ăn" thủng hết túi". Bà cho biết thêm, nhiều bệnh nhân từng được bà cứu chữa cũng rất nhiệt tình ủng hộ các chương trình từ thiện.

Bao năm nay, bác sĩ Phượng vẫn âm thầm, lặng lẽ mang hạnh phúc đến cho người nghèo trên khắp cả nước. Nhờ sự giúp đỡ của bà mà cuộc đời của nhiều bệnh nhân đã đổi thay. Bà tâm sự: "Sau mỗi lần giúp được người khác, tôi lại cảm thấy mình vẫn còn có ích cho xã hội". Đến nay, bác sĩ Phượng không thể nhớ nổi đã thực hiện bao nhiêu chuyến đi làm từ thiện và đã giúp đỡ bao nhiêu người. Chỉ biết rằng, nơi nào bà đến người dân đều vui vẻ đón chào.

Chỉ còn một vài nơi trên dải đất hình chữ S này bác sĩ Phượng chưa đặt chân tới. Bà tự hứa với mình sẽ tới, bởi bà biết ở đó còn những người cần giúp đỡ.

GIÁO SƯ LÊ THỊ NHÂM TUYẾT - HƠN NỬA THẾ KỶ CỐNG HIẾN CHO KHOA HỌC

Phó Giáo sư, Tiến sĩ HOÀNG BÁ THỊNH*

Giáo sư Lê Thị Nhâm Tuyết là người sáng lập và giữ chức Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Giới, Gia đình và Môi trường trong phát triển. Bà cũng là nhà nhân học xã hội tiên phong trong nghiên cứu về giới và phụ nữ ở Việt Nam, nhà khoa học xuất sắc với nhiều công trình nghiên cứu khoa học nổi tiếng về quyền con người của phụ nữ. Không những thế bà còn là người thầy đặc biệt của nhiều thế hệ nghiên cứu khoa học xã hội về phụ nữ Việt Nam; tác giả cuốn sách nổi tiếng Phụ nữ Việt Nam qua các thời đại. Nhà khoa học nữ có hơn nửa thế kỷ cống hiến cho khoa học.

* Phó Giáo sư, Tiến sĩ Hoàng Bá Thịnh hiện đang là giảng viên Trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn.

Nhân dịp mừng thọ 70 tuổi, Giáo sư Vũ Khiêu có tặng Giáo sư Lê Thị Nhâm Tuyết bức tranh và câu đối: "Tuổi hai mươi, phận gái tài trai, kiếm mã lên đường mai nở trắng. Xuân bảy chục, tình sông nghĩa biển, cầm tôn mừng thọ trúc thêm xanh". Nếu không biết những năm tháng tuổi thanh xuân của Giáo sư Lê Thị Nhâm Tuyết thì chưa hiểu hết được hàm ý trong vế đối đầu tiên "Tuổi hai mươi...". Là một trong số ít ỏi nữ tú tài ở trường Tây học trên đất Hà thành, cô nữ sinh duyên dáng và xinh đẹp Lê Thị Nhâm Tuyết đã xếp bút nghiên để lên chiến khu Việt Bắc tham gia kháng chiến chống Pháp từ năm 1946 và có gần 12 năm trong quân ngũ. Bà là một nữ đại đội phó trẻ nhất toàn quân vào thời kỳ đó. Sau ngày hòa bình, trở lại cuộc sống dân sự, với tinh thần ham học hỏi, phẩm chất thiên bẩm của một nhà khoa học, mặc dù cuộc sống và điều kiện làm việc đầy khó khăn, thiếu thốn, nhưng bà đã không ngừng học hỏi, tự đào tạo và đạt được nhiều thành tựu trong nghiên cứu, giảng dạy. Vì thế ngay từ năm 1984 bà đã được Nhà nước phong học hàm giáo sư cấp một vì những cống hiến trong nghiên cứu khoa học. Giáo sư Lê Thị Nhâm Tuyết đã chủ trì 20 đề tài nghiên cứu khoa học, các dự án hợp tác quốc tế về các lĩnh vực dân tộc

học, về phụ nữ, về đặc thù giới ở Việt Nam, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục. Trong những đề tài, dự án đó, Giáo sư Lê Thị Nhâm Tuyết thường quan tâm, ưu tiên tìm hiểu thân phận người phụ nữ Việt Nam, về các cộng đồng dân cư khó khăn, nghèo khổ, để tạo điều kiện hỗ trợ họ phát triển.

Giáo sư Lê Thị Nhâm Tuyết có nhiều công trình nổi tiếng trong giới khoa học ở Việt Nam và quốc tế. Bà là tác giả, chủ biên của 22 cuốn sách, có gần một trăm bài viết công bố trên các tạp chí trong nước và Hội thảo khoa học quốc tế. Một trong những công trình đó là cuốn sách nổi tiếng *Phụ nữ Việt Nam qua các thời đại* (Nxb Khoa học xã hội-1973, tái bản năm 1975). Đây là công trình khoa học về phụ nữ đầu tiên và duy nhất ở Việt Nam được dịch và xuất bản bằng năm thứ tiếng: Anh, Nga, Pháp, Trung Quốc và Nhật Bản. Cho đến nay, chưa có công trình nghiên cứu nào về phụ nữ Việt Nam vượt qua được. Cũng qua cuốn sách này, các học giả trên thế giới, những người giảng dạy nghiên cứu về phụ nữ biết đến Giáo sư Lê Thị Nhâm Tuyết và hiểu hơn về phụ nữ Việt Nam. Bộ sử gồm hai tập *Lịch sử phong trào phụ nữ Việt Nam* (Nxb Phụ nữ, 1980, 1981) được bà biên soạn với nhiều tâm huyết, dưới sự chỉ đạo trực tiếp

của bà Nguyễn Thị Thập, khi đó là Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Đây là bộ sách được thực hiện theo Nghị quyết số 238 ngày 2 tháng 11 năm 1974 của Trung ương "Về tổng kết lịch sử phong trào phụ nữ Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng". Những năm tiếp theo, một số cuốn sách là kết quả nghiên cứu của bà về phụ nữ, về giới lần lượt được công bố, như: *Con đường đi tới của phụ nữ Thịnh Liệt* (1987); *Phụ nữ Việt Nam những năm 80* (1989), cuốn sách *Giới và phát triển* (1994, tiếng Việt và tiếng Anh) do bà chủ biên là một chủ đề rất mới ở nước ta vào thời kỳ đó, v.v...

Ở độ tuổi 80, Giáo sư Lê Thị Nhâm Tuyết vẫn không ngừng tham gia các hoạt động khoa học và công bố các công trình nghiên cứu, như: Hình ảnh phụ nữ Việt Nam trước thềm thế kỷ XXI (2000, 2005), cuốn sách này được xem như là "sự tiếp nối, tuy chưa phải là hoàn thiện của Phụ nữ Việt Nam qua các thời đại", như bà tự nhận xét. Năm 2005, Trường Đại học Chiangmai - Thái Lan xuất bản cuốn sách "Ảnh hưởng của chính sách công đến hạnh phúc của phụ nữ: Quá khứ, hiện tại và tương lai của phụ nữ Việt Nam" bằng hai thứ tiếng Anh và tiếng Thái Lan mà bà cùng với một học trò là đồng tác giả. Năm 2010, bà xuất bản cuốn sách *Những hủ tục bất công trong*

vòng đời người phụ nữ Việt Nam, đây là sự tiếp nối những nghiên cứu trước đây về phong tục, tập quán và như một minh chứng về sự say mê tìm hiểu phong tục, tập quán mà Giáo sư Lê Thị Nhâm Tuyết - nhà khoa học đầu ngành nghiên cứu về phụ nữ, nghiên cứu giới ở Việt Nam - mãi mê theo đuổi nửa thế kỷ qua. Đặc biệt là cuốn sách *Đặc thù Giới ở Việt Nam và bản sắc văn hóa dân tộc* (Nhìn từ góc độ dân tộc học), với gần 1.000 trang là một công trình bề thế với những tư liệu quý về nghiên cứu nhân học xã hội, phong tục tập quán và nghiên cứu giới trong nửa thế kỷ.

Giáo sư Lê Thị Nhâm Tuyết luôn tâm niệm phải truyền lại cho học trò của mình, cho những nhà nghiên cứu, những đồng nghiệp trẻ trong nước và ngoài nước quan điểm về "đặc thù giới ở Việt Nam", rất phương Đông, rất Việt Nam, không thiên lệch, không khiên cưỡng, xác định được thế nào là công bằng giới, thế nào là quyền con người của phụ nữ, hiểu được giá trị gia đình, vị thế của người phụ nữ, với quan điểm về bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam. Các nhà khoa học Thụy Điển đã nhận định về Giáo sư Lê Thị Nhâm Tuyết như sau: "Là người tiên phong trong nghiên cứu Phụ nữ Việt Nam trong lịch sử từ

những năm 1970, bà đã đạt được trình độ học giả quốc tế và có thể chia sẻ kiến thức về vai trò của phụ nữ Việt Nam trong chiến tranh và hòa bình. Bà đã phối hợp kiến thức nền tảng về lịch sử và văn hóa Việt Nam với tính cách luôn tìm tòi và rộng mở về những ảnh hưởng mới và đối với sự chuyển đổi trong xã hội. Bà là người quan sát sắc bén và tiếng nói can đảm khi nhìn thấy mọi việc lạc lối...".

Là một người gắn bó cả cuộc đời với nghiên cứu phụ nữ và có nhiều công trình khoa học tiêu biểu về lĩnh vực này, Giáo sư Lê Thị Nhâm Tuyết được giao nhiệm vụ viết Đề án xây dựng Trung tâm nghiên cứu Gia đình và phụ nữ (nay là Viện nghiên cứu Gia đình và Giới); bà cũng là người đặt nền móng thành lập Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam và Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam. Phó Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Văn Huy, nguyên Giám đốc Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam đã khẳng định: "Giáo sư Nhâm Tuyết cũng là một trong những người kiên trì đề xuất và thực hiện ý tưởng đầu tiên về Bảo tàng Dân tộc học để ngày nay có được Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam. Chúng tôi cảm ơn và tự hào về những đóng góp của giáo sư".

Ngay sau khi nghỉ hưu, tháng 5 năm 1993, Giáo sư Lê Thị Nhâm Tuyết đã sáng lập và làm Giám đốc

Trung tâm Nghiên cứu Giới, Gia đình và Môi trường trong phát triển. Đây là tổ chức phi chính phủ đầu tiên ở Việt Nam được thành lập theo Nghị định 35 của Hội đồng Bộ trưởng. Gần hai mươi năm qua, Trung tâm do Giáo sư Lê Thị Nhâm Tuyết lãnh đạo không chỉ góp phần vào sự phát triển khoa học xã hội và nhân văn, đặc biệt là nghiên cứu về giới, gia đình và môi trường, mà còn giúp nhiều làng, bản nghèo phát triển kinh tế, chăm sóc sức khỏe, cải thiện môi trường, góp phần thúc đẩy sự phát triển các cộng đồng.

Giáo sư Mark Sidel, Trường Wisconsin - Madison, người từ năm 1992 là đại diện của Ford Foundation ở Việt Nam, đã đánh giá công lao của Giáo sư Lê Thị Nhâm Tuyết trong quá trình xây dựng tổ chức phi chính phủ: "Tôi đã được hân hạnh làm việc với Nhâm Tuyết và đồng nghiệp của bà từ những năm 1992 khi tôi tới Hà Nội để xây dựng các chương trình của Ford Foundation và bắt đầu hỗ trợ các công việc quan trọng mà bà và các đồng nghiệp đang làm về những ảnh hưởng của kinh tế - xã hội, của cải cách kinh tế, đặc biệt là đối với phụ nữ".

Trong cuộc đời hoạt động khoa học của mình, Giáo sư Lê Thị Nhâm Tuyết luôn quan tâm gắn

nghiên cứu với đào tạo và giúp đỡ các nhà nghiên cứu trẻ trong lĩnh vực chuyên môn, truyền cho họ tâm huyết rằng nếu nghiên cứu về con người, về phụ nữ thì hãy thực hiện bằng tình cảm và sự trung thực. Nhờ sự quan tâm chỉ bảo, với tấm lòng độ lượng, vị tha của bà mà nhiều cán bộ trẻ đã trưởng thành, đạt được các học vị thạc sĩ, tiến sĩ, học hàm phó giáo sư, giáo sư.

Nhắc đến Giáo sư Lê Thị Nhâm Tuyết, nhiều thế hệ nghiên cứu về nhân học xã hội, nghiên cứu phụ nữ và giới ở Việt Nam và thế giới nhớ về một nhà khoa học nữ giàu nghị lực, trung thực, nghiêm túc, có nhiều ý tưởng sáng tạo, đồng thời cũng là người nhân hậu, khiêm nhường trong quan hệ với đồng nghiệp, bạn bè, tôn trọng các nhà khoa học trẻ.

Với hơn nửa thế kỷ cống hiến cho hai cuộc kháng chiến và cho khoa học, Giáo sư Lê Thị Nhâm Tuyết đã được Nhà nước tặng nhiều phần thưởng cao quý: Huân chương Chiến thắng hạng ba (1958), Huân chương Kháng chiến hạng nhất (1984); nhiều bằng khen, kỷ niệm chương...

ANH HÙNG PHAN VĂN QUÝ THẬT QUÝ

ĐỖ PHÚ THỌ

*Đ*ó là ý kiến của Trung tướng Đồng Sĩ Nguyên, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, nguyên Tư lệnh Bộ đội Trường Sơn đối với người chiến sĩ cũ của mình tại lễ kỷ niệm 10 năm thành lập Tập đoàn Thái Bình Dương. Trung tướng Đồng Sĩ Nguyên nhấn mạnh: "Anh hùng Phan Văn Quý thật quý. Từ một Anh hùng trong chiến tranh, trở thành doanh nhân thành đạt trong thời bình, luôn luôn nghĩa tình với quê hương, đồng chí, đồng đội và đồng bào".

Từ Anh hùng trẻ nhất trên tuyến lửa Trường Sơn...

Năm 1971, khi cuộc kháng chiến chống Mỹ bước vào giai đoạn ác liệt nhất, Phan Văn Quý cũng như nhiều thanh niên khác đã làm đơn xung phong vào bộ

đội khi vừa sang tuổi 18. Ước mơ của Phan Văn Quý lúc bấy giờ là được vào bộ đội đặc công. Thế nhưng, cấp trên lại cho anh đi học lái xe. "Ban đầu thì mình buồn, nhưng "quân lệnh như sơn", mình đã chấp hành. Học xong, mình xin đi chiến trường ngay" - Anh hùng Phan Văn Quý bộc bạch với tôi như vậy.

Phan Văn Quý được biên chế vào Tiểu đoàn ô tô 52, Trung đoàn 11, Sư đoàn 571 của Bộ đội Trường Sơn. Cùng chiếc xe Zin157, chiến sĩ Phan Văn Quý đã vượt qua bao cung đường dọc, ngang trên tuyến lửa Trường Sơn giữa mưa bom, bão đạn. Anh nhớ nhất một lần khi chở thương binh ra hậu phương, khi qua trọng điểm Phu La Nhích thì bị máy bay địch phát hiện và phóng rốc két chặn đầu khóa đuôi. Đối mặt với hiểm nguy, Phan Văn Quý bình tĩnh lái xe rẽ ngoặt vào một đoạn đường tránh xương cá rồi dừng lại và nhanh chóng cùng đồng chí phụ lái diu thương binh xuống tìm nơi ẩn nấp. Nhờ vậy, số thương binh đưa ra gồm 25 người đều an toàn.

Giữa rừng Trường Sơn, phụ tùng thay thế khó khăn, chiến sĩ lái xe Phan Văn Quý đã có nhiều sáng kiến độc đáo, được cả đơn vị học tập và làm theo như dùng ke sắt thùng đạn, mảnh pháo sáng ốp vào đầu dầm của xe để khi va chạm xe đỡ bị xây xát, dùng

thanh gỗ làm cần số để tránh nhảy số trong quá trình cơ động, thường xuyên bảo dưỡng... Vì vậy, chiếc Zin157 của anh qua nhiều năm hoạt động ở chiến trường, lớp đã thay nhiều lần nhưng thân xe vẫn chuẩn, máy vẫn hoạt động tốt. Chiếc xe một thời gắn bó sinh tử với anh như người bạn thủy chung ấy hiện còn lưu giữ tại Bảo tàng Hậu cần Quân đội nhân dân Việt Nam (Hà Nội).

Trong 4 năm làm nhiệm vụ vận tải quân sự ở tuyến lửa Trường Sơn, Phan Văn Quý đã lái xe chạy được hơn 65 nghìn ki-lô-mét an toàn, tiết kiệm gần 7 nghìn lít xăng, là người dẫn đầu trong phong trào giữ tốt, dùng bền của Sư đoàn 571. Với thành tích đặc biệt xuất sắc ấy, ngày 10 tháng 6 năm 1976, Phan Văn Quý đã được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Khi đó anh mới 23 tuổi và là anh hùng thuộc Bộ đội Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh có tuổi đời trẻ nhất khi được phong.

Đến doanh nhân thành đạt trong thời bình

Năm 1999, sau gần ba chục năm trong quân ngũ, Anh hùng Phan Văn Quý được nghỉ hưu và bắt đầu bước vào trận chiến đấu mới trên thương trường. Bản

chất của anh Bộ đội Cụ Hồ được tôi luyện trong chiến tranh đã giúp anh vượt qua muôn vàn gian khó khi phải đương đầu với sự cạnh tranh gay gắt của cơ chế thị trường, các quy luật kinh tế và việc bảo đảm việc làm, thu nhập cho người lao động. Đến năm 2001, anh và một số bạn bè sáng lập Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Bình Dương, chuyên về xây dựng và kinh doanh bất động sản. Anh hùng Phan Văn Quý đảm đương cương vị làm Chủ tịch Hội đồng quản trị của tập đoàn này. Ba năm sau, doanh nhân Phan Văn Quý quyết định tham gia vào lĩnh vực tài chính, ngân hàng và thành lập công ty chứng khoán. Ra đời đúng lúc thị trường bùng nổ, chỉ một thời gian ngắn, hoạt động chứng khoán, ngân hàng của Tập đoàn Thái Bình Dương đã mang lại lợi nhuận khá cao. Thế nhưng, vào đúng thời điểm thị trường chứng khoán sôi động nhất, cổ phiếu cao ngất ngưỡng, doanh nhân Phan Văn Quý đã quyết định gây sừng sốt với nhiều người: Bán ngân hàng, rút vốn khỏi chứng khoán. Ngay sau đó cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ thế giới nổ ra, thị trường chứng khoán Việt Nam tụt dốc, Tập đoàn Thái Bình Dương đã "né bão" thành công.

Sau này, nhiều người đã hỏi anh vì sao lại có quyết định đúng đắn như vậy, anh đã trả lời: Làm

kinh tế cũng giống như trong quân sự, việc chọn thời cơ là vô cùng quan trọng. "Theo dõi thị trường châu Âu, đặc biệt là nước Anh vào thời điểm đó, tôi thấy có những điều bất bình thường. Trong nước cũng bắt đầu có một số dấu hiệu bất ổn. Tôi bàn trong lãnh đạo và quyết định: "Bán".

Có tiền, Thái Bình Dương mở rộng quy mô hoạt động đầu tư kinh doanh trên cả ba miền Bắc, Trung, Nam. Năm 2008, Thái Bình Dương cùng với EVN và One Energy làm chủ đầu tư dự án nhiệt điện Vĩnh Tân 3 (Bình Thuận) với công suất khoảng 2.000MW. Gần đây, Thái Bình Dương cùng với một số đối tác nước ngoài đã đầu tư dự án Nhà máy nhiệt điện Sơn Mỹ (Bình Thuận).

Bên cạnh việc đầu tư kinh doanh, Tập đoàn Thái Bình Dương do Anh hùng Phan Văn Quý làm Chủ tịch Hội đồng quản trị đã đặc biệt coi trọng đến việc công tác xã hội nhằm đóng góp thiết thực vào sự nghiệp xây dựng và phát triển của cộng đồng. Tập đoàn là một trong những sáng lập viên của Quỹ Hỗ trợ Phòng tránh thiên tai miền Trung - một tổ chức phi chính phủ, phi lợi nhuận, nhằm mục đích tài trợ cho đồng bào các tỉnh ven biển miền Trung từ Thanh Hóa đến Bình Thuận phòng tránh, khắc phục hậu

quả lũ lụt, thiên tai và tài trợ cho các chương trình, các đề án xã hội, nhân đạo, từ thiện khác. Anh hùng Phan Văn Quý được bầu làm Phó Chủ tịch của Quỹ Hỗ trợ Phòng tránh thiên tai miền Trung kể từ khi thành lập quỹ đến nay. Thái Bình Dương cũng là một trong những thành viên sáng lập và là nhà tài trợ của Hội Hỗ trợ Gia đình liệt sĩ Việt Nam; sáng lập viên của chuyên mục "Trang vàng liệt sĩ" thuộc website trianlietsi.vn; thành viên và là nhà tài trợ của Hội Truyền thống Trường Sơn - Đường Hồ Chí Minh Việt Nam.

Tập đoàn Thái Bình Dương và bản thân Chủ tịch Hội đồng quản trị của tập đoàn còn dành nhiều tỷ đồng để tài trợ cho Quỹ khuyến học, Quỹ đền ơn đáp nghĩa, Quỹ vì người nghèo và các chương trình từ thiện khác của các tổ chức, đoàn thể trên địa bàn Hà Nội, Vĩnh Phúc, Nghệ An, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh... nhằm đóng góp và chia sẻ một phần lợi nhuận của mình đối với cộng đồng và xã hội.

Đại biểu Quốc hội đầy nhiệt huyết

Năm 2011, Anh hùng Phan Văn Quý trở thành đại biểu Quốc hội khóa XIII. Ngay trong ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội đầu tiên của khóa, anh Quý đã

nói với tôi rằng, anh tham gia Quốc hội không phải vì muốn nổi danh mà muốn mang ý kiến tâm huyết của cử tri, đặc biệt là cử tri đã từng công tác trong quân đội tới cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Những lần tiếp xúc cử tri; việc giám sát các cơ quan chức năng giải quyết đơn, thư, kiến nghị của cử tri và việc phát biểu của đại biểu Phan Văn Quý khi thảo luận tại Quốc hội đã khẳng định điều đó. Đặc biệt là các vấn đề bức xúc của cử tri về giá cả tăng, tiền lương không bù nổi mức độ lạm phát, hiệu quả thấp của doanh nghiệp nhà nước... đã được đại biểu Phan Văn Quý phản ánh trước Quốc hội.

Cử tri cả nước nhớ bài phát biểu của đại biểu Quốc hội Phan Văn Quý phát biểu tại kỳ họp thứ ba về kinh tế biển bởi nó rất giản dị, nhưng lại có sức thuyết phục cao. Đại biểu phân tích: Tuy là một quốc gia biển, song đến nay, chúng ta vẫn chưa thực sự dựa vào biển để phát triển đúng tiềm năng và thế mạnh. Theo đánh giá của một số chuyên gia, năng lực khai thác biển của Việt Nam chỉ bằng 1/7 Hàn Quốc, 1/94 của Nhật Bản, trong khi Việt Nam có nhiều thuận lợi trong việc phát triển kinh tế biển. Những năm qua, phát triển kinh tế biển đã bộc lộ một số mặt yếu kém; thiếu chiến lược phát triển tổng

thể và liên kết chặt chẽ giữa các vùng, các ngành kinh tế, an ninh - quốc phòng. Đặc biệt, một vài doanh nghiệp được giao làm nhiệm vụ khai thác kinh tế biển đã bộc lộ nhiều yếu kém trong việc quản lý, để xảy ra những thất thoát tài sản của nhà nước, giảm năng lực cạnh tranh.

Từ mô hình thành công của Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel), đại biểu đề nghị nên để các doanh nghiệp quân đội tham gia vào lĩnh vực kinh tế biển, đặc biệt là lĩnh vực đóng tàu và vận tải biển. "Theo tôi, nên tập trung nguồn lực cho các đơn vị đóng tàu quân đội để họ xây dựng và phát triển thành những đơn vị đóng tàu từng bước hiện đại để phục vụ cho việc khai thác và bảo vệ nguồn tài nguyên biển, đảo. Đồng thời, để đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế biển bền vững, theo tôi cần có cơ chế phối hợp liên ngành trong quản lý biển" - đại biểu đề nghị.

Theo anh, một trong những nhiệm vụ trước mắt của Chiến lược Biển Việt Nam đến năm 2020 là phát triển công nghiệp đóng tàu; tạo các điều kiện cần thiết để bảo đảm an ninh, an toàn cho người dân hoạt động, sinh sống trên biển, đảo và ở những vùng thường bị thiên tai...

VÀO "RỪNG MA" TÌM ĐỒNG ĐỘI

ĐÌNH XUÂN

Di cùng với chúng tôi đến nhà ông Đặng Hiền Lương, người được mệnh danh "ăn cơm nhà vác tù và cho Hội" ở thị trấn Khe Sanh, còn có các đồng chí đang làm việc ở Hội Cựu chiến binh huyện Hướng Hóa và thị trấn. Khi được Thượng tá Lê Văn Hói, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh huyện giới thiệu về Đội Quy tập mộ liệt sĩ tự nguyện của thị trấn Khe Sanh, do ông Đặng Hiền Lương làm đội trưởng, chúng tôi nóng lòng muốn tìm hiểu ngay. Đó là lý do để có chuyến viếng thăm đột xuất này.

Nhà ông Lương ở tổ 3B, thị trấn Khe Sanh. Vừa nghe tiếng khách từ cổng vọng vào, ông Lương đã

vồn vã ra cửa đón. Qua tuần nước chè xanh, tôi vào chuyện:

- Chúng tôi được Huyện hội giới thiệu về Đội Quy tập mộ liệt sĩ tự nguyện của thị trấn Khe Sanh mà bác làm đội trưởng, vậy bác có thể kể chuyện về đội được không?

Nhắc đến công việc của đội, đôi mắt ông Lương chợt chùng xuống, rồi ông bảo:

- Nếu như ông Mai Thanh Hùng còn sống, ông ấy sẽ kể cho các anh nghe ngọn ngành. Ông ấy mất hồi đầu năm 2010. Tôi thay ông ấy mới mấy năm. Đội Quy tập mộ liệt sĩ của thị trấn có chín người, thành lập năm 1988. Ban đầu, đội viên chủ yếu là những thương binh, bệnh binh, hoạt động tự nguyện. Chi phí cho mọi hoạt động của đội do anh em đóng góp. Sau Hội Cựu chiến binh thị trấn Khe Sanh có trích hội phí hỗ trợ thêm. Năm 2008, khi biết thông tin Đội Quy tập liệt sĩ thị trấn Khe Sanh tự nguyện đi tìm đồng đội, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã hỗ trợ đội 50 triệu đồng. Số tiền đó đã góp phần trang trải cho hoạt động của đội. Mấy năm gần đây, được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, địa phương, mỗi lần tìm thấy hài cốt, quy tập mộ liệt sĩ về nghĩa trang đều có

tiền mai táng phí, nên hoạt động của đội cũng đỡ một phần kinh phí.

Xác định đây là công việc tâm linh, nghĩa tình, nên các đội viên không nề hà, bỏ công sức để đi tìm đồng đội. Cứ nghe thấy thông tin ở đâu có liệt sĩ còn nằm lại mà chưa quy tập vào nghĩa trang là đội viên lập tức tìm cách đến ngay, rồi cùng anh em đào bới, tìm thấy hài cốt thì cùng với cơ quan chức năng xác định danh tính, đơn vị, làm lễ truy điệu quy tập về Nghĩa trang liệt sĩ ở địa phương. Có mộ liệt sĩ, các đội viên phải đào rờng rã hàng tháng trời, tìm thấy hài cốt rồi lại điện ra tận Bộ tư lệnh Quân đoàn 1 để xác định tên tuổi, đơn vị. Mất nhiều thời gian, nhưng làm việc tình nghĩa nên ai cũng có tinh thần trách nhiệm rất cao.

Những thông tin về vị trí có hài cốt liệt sĩ dù rất mong manh, nhưng các đội viên của đội luôn cố công tìm kiếm. Mùa khô còn đỡ, mùa mưa thật vất vả. Các đội viên hầu hết đã cao tuổi, lại bị thương tật, nhưng còn sức là còn đào bới tìm kiếm hài cốt đồng đội. Còn sức là còn trèo đèo, lội suối. Có những lần, đội viên của đội tình cờ phát hiện dòng tên khắc trên tấm tôn, hoặc tấm sắt được những người thu gom phế liệu tập trung về, thế là dò tìm, hỏi xem ai là người bán. Rồi

lại tìm họ lấy được những bia tôn, bia sắt ấy ở đâu, nghe họ kể có khi câu được câu chăng, các đội viên phải ráp nối thông tin lại rồi cùng nhau lên đường tìm kiếm. Cứ thế, từ năm 1988 đến tháng 1 năm 2010, Đội Quy tập mộ liệt sĩ thị trấn Khe Sanh đã tìm và quy tập 1.508 mộ liệt sĩ, trong đó có 287 mộ liệt sĩ từ đất bạn Lào. Kết quả tìm đồng đội và quy tập mộ liệt sĩ của đội đã được báo cáo lên trên. Đội Quy tập mộ liệt sĩ thị trấn Khe Sanh đã được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba. Đội trưởng Mai Thanh Hùng được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen.

Công việc của đội hàng ngày vẫn còn tiếp tục, dù những đội viên như ông Hồ Văn Cừ, ông Hoàng Văn Thịch đã 75 tuổi. Ông Lương, Đội trưởng cũng đã sang tuổi 72. Với tâm nguyện không để đồng đội nằm lại chiến trường xưa, trên những miền đất hoang lạnh, các ông ngày đêm đi tìm, lắng nghe thông tin dù rời rạc, đứt quãng báo về. Nhiều khi đồng đội không phải nằm đâu xa, mà nằm ngay thị trấn này thôi. Đó là trường hợp Đội Quy tập mộ liệt sĩ thị trấn đã phát hiện 19 hài cốt liệt sĩ vào ngày 26 tháng 1 năm 2011, ngay tại khối 6, thị trấn Khe Sanh. Các hài cốt được xác định là liệt sĩ của Sư đoàn 304, nhưng

không ai còn tên tuổi. Sau phát hiện, đội đã cất bốc, cùng Hội Cựu chiến binh thị trấn Khe Sanh phối hợp với Đoàn Kinh tế - quốc phòng 337 và địa phương quy tập 19 liệt sĩ đều không xác định được tên tuổi vào Nghĩa trang liệt sĩ huyện Hướng Hóa. Cũng năm 2011, đội phát hiện hai mộ liệt sĩ, nhưng ở vị trí khó khăn, phải nhờ đến lực lượng công binh rà phá bom mìn để quy tập hài cốt liệt sĩ về nghĩa trang. Nói chuyện về đi tìm mộ liệt sĩ, mắt ông Lương nhòe lệ, nhất là khi ông kể về chuyến đi vào "rừng ma" trên đất bạn Lào để tìm và đưa hài cốt liệt sĩ Trần Thị Thanh Hương về nước.

Ông Lương nhập ngũ năm 1966 vào Quân khu Trị - Thiên từ một giáo viên Trường cấp 2 xã Nam Phúc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Trong trận đánh ở Bắc Đường 9, ông bị thương và điều trị ở Bệnh viện Nam Hướng Hóa. Sau khi điều trị, ông ra viện và được điều động lên Mường Lòong của tỉnh Xa-văn-na-khet thuộc nước bạn Lào để giúp bạn xây dựng lực lượng vũ trang. Năm 1971, sau chiến thắng Đường 9 - Nam Lào, ông được điều về giảng dạy ở Trường Quân chính Sa-la-van trên địa bàn huyện Tù Muồi, tỉnh Sa-la-van, nước bạn Lào. Trong thời gian công tác ở đây, ông gặp và kết duyên cùng bà

Nguyễn Thị Quế khi bà đang công tác ở Bệnh viện Nam Hướng Hóa...

Những năm chiến tranh ở chiến trường Nam Lào cực kỳ khốc liệt. Mọi người bị cái đói và bệnh sốt rét hành hạ triền miên. Chính trong những ngày đói ăn và sốt rét ấy, ông đã từng gặp cô Trần Thị Thanh Hương, là dược sĩ của Bệnh viện Nam Hướng Hóa. Trong một lần đi kiểm tìm cây dược liệu và rau phục vụ chữa trị cho thương binh, bệnh binh, Hương đã hy sinh và an táng ở bản Pơ Lu, xã A-soóc, huyện Tù Muồi. Ông Lương nhớ rõ vị trí chôn cất nữ dược sĩ Thanh Hương, người con gái quê ở huyện Hạ Hòa, tỉnh Vĩnh Phú (nay là Phú Thọ). Sau giải phóng, cơ quan ông và Bệnh viện Nam Hướng Hóa chuyển về nước, mộ nữ dược sĩ Thanh Hương cùng nhiều người khác vẫn nằm lại trên đất Tù Muồi thuộc tỉnh Sa-la-van.

Thấm thoát đã 40 năm trôi đi. Đầu năm 2011, ông Lương tham gia đoàn khảo sát tìm mộ liệt sĩ trên đất bạn Lào. Ông nhớ về nữ liệt sĩ Trần Thị Thanh Hương và quyết tâm đi tìm. Đoàn của ông đến bản Pơ Lu, dường như không còn dấu vết gì của năm xưa. Khu Bệnh viện Nam Hướng Hóa xưa nay là rừng hoang. Nơi chôn cất liệt sĩ Thanh Hương trở

thành khu "rừng ma" của bà con bộ tộc Lào xã A-soóc. Lật giở trong trí nhớ và sơ đồ mộ chí, ông Lương quyết tâm vào "rừng ma" để tìm. Ông trèo đèo, lội qua các khe suối trong rừng ma, mấy ngày, cuối cùng phát hiện ra mộ nữ liệt sĩ Thanh Hương trong khu "rừng ma" ấy. Năm 1971, Trường Quân sự Quân khu Trị - Thiên đóng quân ở đây, cùng Trường Quân chính Sa-la-van thuộc huyện Tù Muỗi. Gần nơi trường đóng quân có hang đá, nên khi địch đánh phá, cán bộ của trường và Bệnh viện Nam Hương Hóa sơ tán vào đây. Bây giờ, mộ liệt sĩ Thanh Hương đã nằm giữa "rừng ma" của người dân Lào. Tập tục của bộ tộc Lào khi người chết mai táng trong "rừng ma" thì không được đưa ra ngoài, nếu thuyết phục được trưởng bản, đưa mộ ra ngoài phải làm lễ và những thủ tục rất là phức tạp.

Ông Lương cùng đoàn công tác phải tìm đến chính quyền địa phương, vận động người dân cho phép đưa mộ liệt sĩ Thanh Hương về nước. Ông biết tiếng Lào nên khi vận động bà con ở bản Pơ Lu cũng thuận lợi. Ban đầu, vì phong tục nên người dân quyết không cho mang hài cốt liệt sĩ ra. Dân bản bảo, cứ để liệt sĩ đó, dân bản cúng ma thì cúng cho liệt sĩ mà. 40 năm qua, liệt sĩ Thanh Hương đã nằm nơi đất

khách, trong "rừng ma" rồi, phải đưa chị về nước. Ông kiên trì vận động bà con ở bản Pơ Lu, cuối cùng trưởng bản cũng chấp thuận, nhưng phải có tiền sắm lễ cúng mới đưa mộ ra khỏi "rừng ma" được. Thế là ông Lương phải dùng cả kính, quần áo của mình để đổi lấy gà, lễ vật cho bản để đưa liệt sĩ Thanh Hương ra khỏi "rừng ma". Hài cốt liệt sĩ Trần Thị Thanh Hương được đưa về, làm lễ truy điệu và an táng tại Nghĩa trang liệt sĩ thị trấn Khe Sanh. Ông Lương còn nhớ, khi còn công tác tại tỉnh Sa-la-van, Nam Lào, được sĩ Thanh Hương nói là có bố, mẹ trú ở Km5, Nhà máy sứ Tuyên Quang. Thời gian trôi qua lâu rồi, ông cũng gửi thư, điện báo về địa phương, nhưng vẫn chưa có hồi âm của gia đình liệt sĩ Thanh Hương.

Chuyện về Đội Quy tập mộ liệt sĩ tình nguyện ở thị trấn Khe Sanh, chuyện vào "rừng ma" tìm mộ liệt sĩ của ông Lương đã thôi thúc tôi viết nên bài báo này. Những việc làm bình thường hằng ngày của các đội viên cao tuổi như ông Lương, ông Thệch, ông Cừ ở Đội thật có ý nghĩa, chỉ mong muốn đưa các liệt sĩ về Tổ quốc, về nơi nghĩa trang yên nghỉ cùng đồng đội.

CỰU CHIẾN BINH "SẴN" BOM...

VĂN HỌC

*M*ặc người thân can ngăn, người đời
đàm tiếu..., trong suốt 40 năm qua,
kể từ khi đế quốc Mỹ dùng máy bay B52
ném bom xuống Hà Nội (tháng 12-1972)
đến nay, dù đã bước sang tuổi 76,
nhưng ông vẫn lặng thầm đi "sẵn tim"
những trái bom chưa nổ, vì một lý do đơn
giản "để trả ơn cuộc đời". Ông là cựu chiến
binh Nguyễn Trọng Nhủ, ở thôn Tây Đoài,
xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

Nỗi ám ảnh khôn nguôi

"Trong cuộc sống, mỗi con người đều có nỗi niềm của mình, riêng đối với tôi, cái chết của đồng đội do bị bom Mỹ giết hại luôn là nỗi ám ảnh suốt cuộc

đời..." - Ông Nguyễn Trọng Nhủ bắt đầu câu chuyện như thế.

Năm 1960, Nguyễn Trọng Nhủ lên đường nhập ngũ và được điều về Đại đội 17 công binh, thuộc Trung đoàn 165, Sư đoàn 312. Trong suốt ba năm quân ngũ, ông được học tập, huấn luyện chuyên ngành công binh. Cuối khóa, qua kiểm tra sát hạch rà phá bom mìn, Nguyễn Trọng Nhủ đạt loại xuất sắc, được cấp trên khen thưởng và đưa vào nguồn đối tượng Đảng. Năm 1963, ông phục viên, đầu năm 1967 lại tái ngũ vào Đại đội 14, Trung đoàn 246, Sư đoàn 304B (Quân khu Việt Bắc). Sau một tuần huấn luyện, đơn vị ông nhận lệnh hành quân gấp vào Nam chiến đấu tại mặt trận Quảng Trị.

Cho đến bây giờ ông vẫn còn nhớ như in những ngày Tết Mậu Thân 1968. Đêm 6 rạng sáng 7 tháng 2 năm 1968, Đại đội 14 (cối 82) của ông cùng các đơn vị bạn đã "san bằng" cứ điểm Làng Vây, tiêu diệt gần 1.000 tên địch. Bị thất bại nặng nề, quân Mỹ huy động hàng trăm lượt B52 ném bom tại khu vực Khe Sanh. Cả cánh rừng tươi tốt bỗng chốc tan hoang, quân số của đơn vị thiệt hại nghiêm trọng. Chờ tới khi màn đêm buông xuống, Nguyễn Trọng Nhủ đi thu lượm xác đồng đội bị bom Mỹ giết hại trong lúc đang trên đường đi lấy gạo. Ngồi trong hầm trông

canh sáu thi thể đồng chí thân yêu, Nguyễn Trọng Nhí khóc khô cả nước mắt, bởi lẽ, theo kế hoạch sáng hôm đó ông được phân công đi lấy gạo, nhưng vì đột xuất nên đã có người khác thay thế, nhờ vậy mà ông may mắn được sống sót. "Món nợ này không biết đến bao giờ tôi mới trả được!" - ông tâm sự.

Lòng căm thù giặc đã được Nguyễn Trọng Nhí dồn lên nòng súng và ông đã lập nhiều thành tích xuất sắc trong chiến đấu. Do hoàn cảnh gia đình, năm 1971, ông được phục viên về quê và được Đảng ủy xã Phù Lỗ phân công làm xã đội phó.

Thợ "săn" bom

Khi được hỏi về thành tích phá bom nổ chậm ở quê, ông Nhí cười khiêm tốn: "Chuyện của tôi chẳng có gì đáng nói nếu như không xảy ra sự kiện 12 ngày đêm năm 1972 khi đế quốc Mỹ tập kích bằng B52 vào Thủ đô Hà Nội".

Đầu tháng 11 năm 1972, khi đó ông Nhí đang là xã đội phó, được cấp trên phổ biến tình hình: Khả năng đế quốc Mỹ sẽ dùng B52 đánh vào Hà Nội, khu vực sân bay quân sự Đa Phúc (nay là Sân bay quốc tế Nội Bài), cùng các xã lân cận sẽ là trọng điểm oanh tạc ác liệt của không quân Mỹ.

Khoảng 21 giờ, ngày 18 tháng 12 năm 1972, sau khi đi kiểm tra ở các tổ dân quân về, bỗng nhiên ông Nhí nghe thấy trên không trung tiếng động cơ âm âm rền vang như sấm. Theo kinh nghiệm chiến trường, ông biết đó là tiếng B52. Ngay sau đó, trong ánh chớp chói lòa một tiếng nổ rung trời chuyển đất ở phía Tây thôn Tây Đoài, chỉ cách nhà ông chừng 500 mét. "B52 đã ném bom rải thảm, nhưng tại sao chỉ nổ có một quả?" - một ý nghĩ thoáng trong đầu và như linh tính báo cho ông biết, trong đợt bom rải thảm vừa rồi, ít nhất cũng phải có vài chục quả chưa nổ. Đúng như dự đoán của ông, 10 giờ ngày 19 tháng 12, ông được cấp trên giao nhiệm vụ đi kiểm tra số bom chưa nổ. Ông đã dùng thước đo từng lỗ bom nổ chậm, có lỗ đường kính tới 90cm. Tất cả tình trạng bom rơi, cự ly khoảng cách của từng trái bom chưa nổ đều được ông vẽ sơ đồ và ghi chép đầy đủ, tỉ mỉ, cụ thể. Tổng số có 26 quả bom rơi xuống địa bàn xã Phù Lỗ, trong đó có 17 quả ở khu dân cư và chín quả ở ven làng. Thấy ông là người có chuyên môn và kinh nghiệm rà phá bom mìn, năm 1973, Nguyễn Trọng Nhí được cấp trên giao nhiệm vụ chỉ huy năm trung đội dân quân tiến hành đào bới và "lôi" lên khỏi mặt đất được bảy quả bom Mỹ loại 750 bảng

Anh, trong đó ông trực tiếp tháo gỡ, vô hiệu hóa được bốn quả. Thán phục trước tinh thần dũng cảm và trình độ phá bom của ông, mọi người gọi Nguyễn Trọng Nhủ là "thợ săn bom nổ chậm".

Từ chối lời khuyên

Sáng 19 tháng 10 năm 2012, tôi nhận được cú điện thoại từ đầu dây bên kia, giọng nói của ông Nguyễn Trọng Nhủ như reo lên trong máy: "Hôm nay có cán bộ của Bộ tư lệnh Thủ đô về làm việc với các hộ gia đình trong thôn có bom còn sót lại trên đất nhà mình!".

Tôi hiểu, đó là niềm vui lớn đối với ông, bởi lẽ, đã mấy chục năm qua, đất nước được sống trong cảnh hòa bình, đời sống của nhân dân mỗi ngày một khá giả, tốc độ đô thị hóa ngày càng phát triển, riêng thôn Tây Đoài (Phù Lỗ) đã có hơn 70% số hộ gia đình xây được nhà kiên cố, khang trang. Nhưng trong thâm tâm ông lúc nào cũng như bị cắn rứt, bởi dưới lòng đất quê ông vẫn còn không ít những quả bom chưa nổ, nó là những hiểm họa khôn lường đang rình rập tính mạng và tài sản của người dân. Chính vì thế, đã nhiều lần ông đề nghị các cấp có thẩm quyền có

kế hoạch xử lý 19 quả bom nổ chậm còn sót lại để bảo đảm an toàn tuyệt đối cho nhân dân. Mặc dù ông là "bằng chứng sống" về độ tin cậy của những thông tin nói trên, nhưng không phải ai cũng đồng tình với đề nghị đó của ông. Người thân trong gia đình thì phản đối, can ngăn ông không nên theo đuổi công việc nguy hiểm đó. Có cán bộ vỗ vai khuyên khéo: "Ông có tuổi rồi, dành thời gian để nghỉ ngơi cho khỏe, việc giải quyết hậu quả sau chiến tranh đã có Nhà nước lo". Thậm chí có người còn "gọi mát" ông là "Ba Nhủ" (nghĩa là Nhủ hằm, Nhủ gàn, Nhủ dở). Vì theo họ, "cuộc sống đang yên lành, nhà cửa đã xây dựng khang trang bề thế, tự nhiên lại đào bới lên làm gì? Có bom nằm dưới đó thì đã làm sao?"; hoặc "trong lúc giá đất đang lên cơn sốt, lại nói có bom chưa nổ bên dưới thì ma nào nó mua...".

Bỏ ngoài tai những lời đàm tiếu, Nguyễn Trọng Nhủ vẫn quyết tâm theo đuổi mục đích của mình. Ông bảo: "Không ai hiểu hết bản thân bằng chính mình", nên ông tiếp tục đề nghị lên huyện, thành phố và cả Trung ương nữa. Đề nghị của ông đã được các cơ quan chấp thuận. Bộ tư lệnh Công binh đã chỉ đạo Phòng Công binh Quân khu Thủ đô (nay là Bộ tư

lệnh Thủ đô Hà Nội) cùng cơ quan quân sự huyện mời ông lên Ủy ban nhân dân xã Phù Lỗ làm việc. Ông Nhí đã làm rõ tọa độ và hướng rơi của bom từ phía Tây (sân bay Đa Phúc) sang phía Đông (thôn Tây Kiều, xã Phù Lỗ). Tuy nhiên, lực lượng công binh cho máy về dò, nhưng không có kết quả, nguyên nhân chính theo ông vì máy dò không thể "vói" tới độ sâu của bom (có quả sâu tới 7m) và độ xiên của bom khi rơi đã làm lệch vài ba mét so với miệng lỗ trên mặt đất...

Quyết không chịu bó tay, máy không thấy thì ông dùng thuôn và đã phát hiện thấy bom ở khá sâu, nhưng để có tính thuyết phục, ông phải làm cam đoan "nếu đào bới không thấy bom thì ông phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật". Đến năm 2001, ông tiếp tục đào thêm được 11 quả và một quả bị nổ om. Theo lời ông Nhí, hiện nay vẫn còn bảy quả bom chưa nổ đang nằm dưới đất của ba hộ gia đình, đều thuộc thôn Tây Đoài, xã Phù Lỗ.

Việc làm của ông Nguyễn Trọng Nhí là thể hiện lương tâm và trách nhiệm của người cựu chiến binh đối với cuộc sống bình yên của nhân dân - một tấm gương bình dị mà cao quý.

THẦY GIÁO LÀNG TRÊN DÃY NÚI GIĂNG MÀN

VŨ HẠNH

G iữa núi rừng Trường Sơn heo hút, có một thầy giáo làng với một chân tạt nguyên, dáng người nhỏ thó đang ngày đêm cần mẫn dạy chữ cho các em học sinh nghèo. Người thầy giáo mà tôi tình cờ gặp ấy là Đặng Tiến Dũng, năm nay 57 tuổi ở xã Phúc Đồng, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

Thầy giáo làng tạt nguyên

Tôi tình cờ gặp thầy giáo làng Đặng Tiến Dũng vào một buổi chiều giữa núi rừng Trường Sơn heo hút gió.

Chiếc xe máy của chúng tôi đang đi bon bon trên đường Hồ Chí Minh địa phận huyện Hương Khê,

tỉnh Hà Tĩnh thì bị thủng lốp. Tôi lo lắng chưa biết tìm nơi sửa thì có tốp học sinh đạp xe đi tới. Một cô bé nhanh nhẩu nói: "Các chú dắt thêm một đoạn nữa sẽ có người sửa cho".

Theo hướng tay các em chỉ, chúng tôi đến một quán nhỏ dựng bằng nửa lá ven đường. Đứng chờ mà lòng đầy thấp thỏm, khoảng 10 phút sau, một người đàn ông dáng người nhỏ thó, với một chân bị tật nguyên cùng bộ đồ sửa xe đi ra từ ngôi làng nhỏ phía bìa rừng.

Xe sửa xong, tôi mừng quá rút ví trả tiền nhưng ông xua tay, lắc đầu không nhận. Ông mỉm cười nói: "Trước đây tui (tôi) làm nghề sửa xe, nhưng nay chỉ giúp những người bị lỗi như các chú. Giờ cũng sắp tối rồi, nếu các chú đi xa thì vào nhà tui nghỉ tạm mai đi tiếp. Gần đây không có nhà nghỉ chi mô...".

Đi theo ông, chúng tôi đến một ngôi nhà nhỏ nằm ở lưng chừng đồi, thuộc dãy núi Giăng Màn, trong hệ thống rừng Trường Sơn hùng vĩ. Thật bất ngờ, ngôi nhà của ông có khoảng hơn 20 em học sinh chia làm 2 lớp đang cặm cụi học bài. Thấy khách đến, các em học sinh đứng dậy vòng tay lễ phép: "Chúng con chào thầy, chào các chú", còn ông nói với chúng

tôi: "Giờ các chú ngồi chơi, tui ra bài tập và sửa bài cho các cháu đã nhé".

Nhìn theo dáng người nhỏ bé với những bước đi thấp cao của người đàn ông khoảng ngoài 50 tuổi mà các em học sinh vừa gọi là thầy, tôi thấy ở gian nhà cấp 4 phía trên nhà ông còn có một lớp học nữa với bàn ghế và chiếc bảng đen ghép bằng gỗ đều đã cũ kỹ...

Ông đứng trên lớp đi đi lại lại, còn trò thì chăm chỉ học bài. Khoảng hơn 30 phút sau, ông trở lại với chúng tôi. Mở đầu câu chuyện, ông khiêm tốn nói: "Tui thấy chúng nghèo, ham học nên thương, dạy chúng".

Cha và con cùng đi học

Tên ông là Đặng Tiến Dũng. Nghề dạy học đến với thầy Dũng thật tình cờ và cũng rất đặc biệt. Những ngày cô bé Đặng Thị Ngọc Hà, con gái đầu của thầy đang học lớp 3, để có kiến thức kèm con học, thầy Dũng lấy sách của con tự mày mò nghiên cứu học lại, tìm hiểu kiến thức. Thầy Dũng kể: "Gia đình tui nghèo, không có tiền cho con đi học thêm nên tui phải cố gắng học theo con và phải học giỏi hơn để dạy lại cho chúng. Chừng nào con còn thức

thì cha cũng thức, có nhiều đêm đến 1, 2 giờ sáng mới ngủ. Con tui lên một lớp thì tui cũng lên một lớp. Sau khi con cái trưởng thành, vào đại học hết, tui đủ kiến thức, kinh nghiệm dạy cho học trò".

Thầy Dững sinh ra trong một gia đình đông anh em ở vùng quê biên giới nghèo. Đang học đến lớp 1 thì bệnh tật ập đến, cha mẹ chạy chữa mãi, tuy đôi chân có thể đi được nhưng sức khỏe của cậu học sinh giỏi toàn diện Đặng Tiến Dững thì rất yếu, thân hình ngày một còi cọc. Cha mẹ bàn việc phải nghỉ học ở nhà nhưng cậu một mực xin được tiếp tục đến trường. Hằng ngày, cậu học trò nghèo ấy đến lớp bằng sự giúp đỡ của cha mẹ, anh em và bạn bè trong lớp. "Đến năm học lớp 4 thì bệnh cũ của tui tái phát, lần này thì một chân bị liệt hẳn, nhưng tui vẫn quyết tâm đến trường. Đến năm học lớp 9 (nay là lớp 11) thì tui phải bỏ học thật sự vì sức quá yếu và gia đình quá nghèo... Ước mơ trở thành thầy giáo của tui bị dở dang..." - Thầy Dững ngậm ngùi nói về thời học sinh đầy khó nhọc của mình.

Lại nói đến chuyện hai cha con cùng đến trường, thầy Dững kể: "Mỗi lần con đậu học sinh giỏi huyện, được ra trường chuyên học bồi dưỡng, buổi sáng con học trường nhà, buổi chiều đi hơn 20km ra trường

huyện để ôn thi. Con còn nhỏ không đèo được cha, cha bệnh tật không đèo được con. Thế là hai cha con hai xe đạp đi học cùng nhau đến khi con thi xong mới thôi...".

Với sự kèm cặp của cha, các con của thầy Dững đều học rất giỏi. Ba đứa đã đậu đại học. Chẳng những thế, các cháu con anh, con em với sự bày dạy của thầy đều học giỏi, đỗ đạt các trường đại học. Thấy các con, các cháu thầy Dững đều siêng năng, học hành giỏi giang, một số bạn bè của con xin được nhờ thầy kèm cặp. Về sau tiếng lành đồn xa, học sinh kéo đến nhà thầy xin học ngày một đông, có nhiều phụ huynh học sinh đến tận nơi xin cho con được học. Đến nay, một ngày thầy Dững dạy ba ca, nhiều lớp, có khoảng hơn 100 em học sinh ở tất cả các bậc học.

"Tui dạy những gì các cháu cần"

Lớp học của thầy Dững rất đặc biệt. Thầy chia ra, các em học tiểu học và trung học cơ sở ngồi chung một lớp và học vào những ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc buổi tối, riêng mùa hè các em được học ở nhà thầy cả ngày. Nếu em nào ở xa thì có thể ăn ở và học tại nhà thầy như con trong nhà.

"Bí quyết lời cuốn học sinh của tui rất đơn giản, đó là dạy những gì các cháu đang thiếu và cần. Ví dụ, tui căn cứ vào năng lực của các cháu ở từng cấp học để dạy những gì các em đang yếu. Nhưng có những topic khác lại cần những kiến thức cao hơn thì tui lại dạy và ra những bài tập tương xứng... Tất cả tui đều bám vào sách giáo khoa và dựa vào năng lực của học sinh để dạy" - Thầy Dũng chia sẻ với chúng tôi về bí quyết lời cuốn học sinh của mình.

Nói về phương pháp dạy học sinh dạng yếu kém, thầy Dũng cho biết, điều quan trọng nhất là phải nắm bắt tâm lý của học sinh, không được chê các em dốt mà phải tìm ra lỗ hổng kiến thức của từng em để hệ thống lại kiến thức, giúp các em nhớ, hiểu. Thậm chí, có những bài toán khó, thầy không vẽ lên bảng mà kêu các em ra giữa sân, cầm phấn vẽ lớn để các em dễ hình dung và nhớ lâu.

Thầy Dũng chia sẻ với tôi rằng, mình phải biết các em cần cái gì để mà dạy. Nhưng muốn làm được điều đó, đòi hỏi mình phải thực sự hiểu các em, hết lòng vì các em. Để giảng giải được hết những kiến thức các em cần, thầy phải tự mua sách vở mày mò nghiên cứu, thậm chí vào mạng, xem ti vi để nâng cao trình độ. Có những bài toán mà học sinh đem

đến "đố thầy", thầy Dũng mất vài đêm thức trắng để nghiên cứu mới giải được. Khi học sinh phục về trình độ, phương pháp dạy học thì càng đến với thầy nhiều hơn...

Kỷ luật thép

Học sinh đến với thầy Dũng ngày càng đông chẳng những bởi thầy có phương pháp dạy học phù hợp mà ở nơi thầy các em còn được rèn ý thức học tập, đạo đức lối sống. Nội quy mà thầy Dũng đưa ra rất cụ thể, thưởng, phạt nghiêm minh.

Để được nhận vào lớp học của thầy Dũng, bố mẹ các em học sinh phải đến xin, viết giấy cam kết các nội quy của lớp học. Sau mỗi buổi học, thầy Dũng đều cho các em làm bài kiểm tra 15 phút, sau một tuần thì kiểm tra một tiết rất quy củ. Tất cả bài kiểm tra thầy chấm chu đáo và gửi về cho phụ huynh. Vài tháng một lần, thầy họp các phụ huynh, yêu cầu mang hết bài kiểm tra của con đến để so sánh, đối chiếu với nhau nhằm đánh giá sự tiến bộ của từng học sinh. Chính nhờ thái độ dạy thật, học thật và những kỷ luật thép đó nên thầy được cha mẹ các em học sinh tin tưởng gửi gắm con em mình, còn các em học sinh thì nể phục, quý mến...

Minh nên cho đi rồi hãy nhận...

Thầy Đặng Tiến Dũng lý giải: "Tui chưa khi mô nghĩ rằng mình dạy các em để kiếm tiền, mà chỉ biết rằng mình cho các cháu kiến thức, tinh thần học tập, nghị lực sống để phấn đấu vươn lên thành người có ích cho xã hội...".

Thầy Dũng không lấy tiền của học sinh, nhưng biết hoàn cảnh của thầy khó khăn, gia đình các em học sinh trả công cho thầy bằng việc cày ruộng, gặt lúa và Hội phụ huynh học sinh thống nhất thu mỗi em một buổi học 5 nghìn đồng gọi là tiền học phí. Với các cháu thuộc diện gia đình chính sách, gia đình nghèo, có hoàn cảnh khó khăn, được miễn hoàn toàn các khoản đóng góp...

Khi được hỏi ý kiến đánh giá về thầy Đặng Tiến Dũng, thầy giáo Lê Ngọc Minh, Trưởng phòng Giáo dục huyện Hương Khê cho tôi biết: "Thầy Dũng là một người rất đáng để học tập, tuy mới học đến lớp 9, lại bị tật nguyên nhưng thầy đã biết vượt lên hoàn cảnh, tự mày mò học tập, nghiên cứu tích lũy kiến thức, trình độ chuyên môn để dạy học. Thầy được học sinh mến phục bởi có cái uy của người thầy, có tấm lòng yêu thương con trẻ...".

Năm 2010, thầy giáo làng Đặng Tiến Dũng được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen về tấm gương rèn luyện, làm theo Bác Hồ dịp tổng kết cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" tại Hà Nội. Đây là phần thưởng xứng đáng cho tấm lòng và nghị lực của một người tật nguyên nhưng không đầu hàng hoàn cảnh...

Và khi tôi vừa mở máy vi tính để viết những dòng về thầy giáo làng Đặng Tiến Dũng và lớp học tình thương của thầy thì bất ngờ điện thoại reo lên. Đầu dây bên kia thầy Dũng rất vui thông báo với tôi rằng, con gái đầu của thầy vừa bảo vệ luận văn thạc sĩ đạt loại ưu. Vậy là cuộc đời này đã và đang trả công cho thầy thật xứng đáng...

NÀNG DÂU TRƯỞNG HỌ NGƯỜI THÁI

LÊ ĐÔNG HÀ

*M*ỗi khi nhớ tới mối tình của cô giáo Tòng Thị Quyên và chiến sĩ biên phòng Tạ Đức Việt trong tôi lại muốn ngân lên câu hát "Ơ... anh bộ đội biên phòng ơi..." (bài "Giữ cho em mùa hoa đào" của nhạc sĩ Bảo Chung). Mối tình của họ đẹp lắm, nên thơ lắm và thêm nữa hạnh phúc lứa đôi của họ đầy căng sức sống như núi rừng Tây Bắc vậy.

Cách đây chừng mười hai năm, cô giáo Tòng Thị Quyên đang là sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm Sơn La, Tạ Đức Việt đang là chiến sĩ thuộc Đại đội 1 Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Sơn La. Hai người quen nhau qua những đêm lửa trại, những buổi giao lưu kết nghĩa của Bộ đội Biên phòng với sinh viên sư phạm. Cô giáo hát hay, tay anh đàn giỏi, họ cảm mến

nhau qua câu hát đó "Ơ... anh bộ đội biên phòng ơi"... "đôi mắt sáng nhìn chúng em cười tươi"... Và quả thực, nụ cười tươi của anh Bộ đội Biên phòng đã làm xao xuyên trái tim của các sinh viên sư phạm trẻ. Ánh mắt trao nhau, bàn tay run run ấm nóng nắm lấy bàn tay. Trái tim cô gái Mường Lạn bồi hồi, rồi vùng mở đón nhận lấy "quả còn tình yêu" mà người chiến sĩ biên phòng gieo tới. Họ đã đến với nhau như thế.

Chiến sĩ Tạ Đức Việt quê ở làng Bảo Đà, phường Dữu Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Đây là một làng quê lâu đời và giàu truyền thống văn hiến. Dòng họ Tạ cũng là một dòng họ lâu đời của làng quê này. Theo gia phả họ Tạ ở Bảo Đà, Tạ Đức Việt là trưởng họ. Ở những làng quê Việt cổ, "vai vế" ấy thực lớn, trọng trách ấy thực sâu... Trường hợp của Tạ Đức Việt cũng không ngoại lệ. Anh có trách nhiệm của một người trưởng họ. Song, cũng giống như bao dòng họ giàu truyền thống yêu nước trên đất nước ta, dòng họ Tạ sẵn sàng gửi người con đầu, ưu tú nhất của mình đi phục vụ quân đội, thực hiện nghĩa vụ công dân một cách đầy trách nhiệm. Từ Việt Trì tới Sơn La là mấy trăm cây số nhưng cả họ dõi theo, cả họ ngóng chờ.

Còn Tòng Thị Quyên, người con gái dân tộc Thái, có cái đầu sáng, ý chí mạnh, quyết tâm cao của bản

Nả Hản (xã Mường Lạn, huyện Sốp Cộp). Những năm cuối thế kỷ trước, núi rừng Sông Mã, Sốp Cộp còn âm u, mịt mờ nhưng cô gái của bản Nả Hản đã lội rừng, băng suối ra trung tâm thị trấn huyện học cái chữ, cô mang trong tim ước mơ sau này sẽ trở thành nhà giáo, đem cái chữ dạy các em nhỏ vùng sâu biên giới quê mình. Năm 1998, Tòng Thị Quyên từ chối suất học cử tuyển đào tạo giáo viên cấp tốc cho vùng sâu, vùng xa. Cô nghĩ: "Mình có sức học, có nghị lực, mình phải học sao cho đến đâu đến đấy có vậy mới dạy tốt cho các em nhỏ quê mình". Bên cạnh ý nghĩ đó, Tòng Thị Quyên còn có một động lực khác đó là muốn làm tấm gương để học sinh quê mình noi theo vì thời đó mọi người còn tự ti lắm, sợ không học được, sợ cái chữ không vào. Quyết tâm đã giúp cô gái Thái quê hương Nả Hản thi đỗ vào Trường Cao đẳng Sư phạm Sơn La. Rồi cô gặp anh...

Đôi bạn trẻ đó đã yêu nhau và không thể có điều gì chia cắt nổi. Năm 2001, Tòng Thị Quyên tốt nghiệp Trường Cao đẳng Sư phạm Sơn La, quyết tâm trở về xây dựng quê hương. Chàng trai trưởng họ Tạ của Đất Tổ Vua Hùng cũng quyết tâm lên biên giới góp sức bảo vệ biên cương Tổ quốc. Anh xin được đi tăng cường đồn Mường Lạn. Cô được phân về dạy học ở

Mường Lạn. Ước mơ đắp xây hạnh phúc lứa đôi của họ tưởng không gì ngăn cản nổi.

Thế nhưng, mọi cuộc tình đẹp dường như đều bị tạo hóa trêu ngươi, gây ra những gian nan không ngờ để thử thách tình yêu đó. Gần như cùng một lúc, gia đình của hai người phản đối cuộc hôn nhân này. Trong họ Tạ có người tỏ vẻ am tường nói: Trên vùng đó, con gái họ biết "chài", ai bị "chài" đều trở thành ngớ ngẩn, cam tâm tình nguyện đi theo vào vùng rừng thiêng nước độc. Cả họ Tạ xôn xao, cha mẹ vật vã, tưởng như mất đi một người con độc đỉnh của gia đình. Thâm tâm nhiều người không tin rằng trên đời này có thứ gọi là "bùa yêu", nhưng đầu óc cổ hủ khiến nhiều người trong dòng họ khó chấp nhận dâu trưởng của cả họ là một người miền ngược, dân tộc thiểu số. Cả nhà phản đối, cả họ phản đối... Về phía gia đình cô Quyên cũng vậy, cả bản nói rằng: Rồi nó sẽ theo chồng về xuôi thôi, xa xôi cách trở, như vậy là mất con rồi. Có người còn nói: Cái Quyên được cả bản thương yêu giúp đỡ từ củ sắn, bắp ngô ăn học thành tài giờ nó đi về xuôi, bản mất người, quê mình mất cô giáo rồi. Cả bản phản đối, cả nhà phản đối...

Trong những khó khăn tột cùng đó, đôi bạn trẻ Quyên, Việt đã tìm được một chỗ dựa. Đó là Ban chỉ huy Đồn Biên phòng Mường Lạn, là hội đồng giáo

viên Trường Mường Lạn. Đám cưới của họ diễn ra không có sự hiện diện của gia đình hai bên nhưng thay vào đó có các thầy, cô giáo, có các anh bộ đội. Đám rước dâu tổ chức theo phong tục địa phương. Chú rể đến rước cô dâu từ trường về đồn biên phòng, cách nhau có mấy bước chân nhưng có bao nước mắt tuôn rơi trên con đường đất. Nước mắt của hạnh phúc, của nỗi tủi thân, của cả sự nhọc nhằn sau bao ngày vận động tuyên truyền cho hai họ nhưng không thành.

Hai vợ chồng Việt, Quyên được Ban chỉ huy Đồn Mường Lạn giúp đỡ dựng một căn nhà ngay sát bên đồn, lại được các giáo viên trong trường giúp đỡ những vật chất cần thiết cho một tổ ấm. Thấy căn nhà đó, thấy đôi lứa hạnh phúc đó, người dân bản Nả Hản đã có lòng tin, gia đình cô Quyên đã đến nhận lại con gái. Nhưng ở xuôi, mọi lo lắng, nghi ngờ đã ào ạt bùng ra như nước vỡ bờ. Hai vợ chồng dặt nhau về ra mắt. Cả họ lánh mặt, gia đình anh lạnh nhạt. Cái tội dám cãi lời bố mẹ của một ông trưởng họ quả là khó dung tha. Đã bao đêm cô Quyên tím tím khóc trên ngực chồng. Nhưng rồi đến sáng mai, cô lại tìm cho mình sự điềm tĩnh, thể hiện lòng hiếu thảo hết mực với cha mẹ chồng. Cả nhà đi cấy, cô xắn tay, xắn chân lội xuống bùn. Cô Quyên cười, nói với chúng tôi: "Không chỉ có cấy đâu nhé, em gặt cũng

nhanh, gánh lúa cũng nhanh, qua mấy năm làm ruộng với ông bà, chẳng ai còn chê gái dân tộc thiếu số chỉ biết leo nương làm rẫy".

Nhưng việc khó của một "bà" dâu trưởng không phải là chuyện làm nông, đó là tài tổ chức. Như đã biết, họ Tạ ở làng Bảo Đà rất đông, theo lệ những dịp lễ Tết đều quây quần bên nhà thờ họ. Dâu trưởng phải đóng được vai trò "chị cả", chỉ đạo công việc, tổ chức tiệc tùng ăn uống. Đây là điểm mà người Kinh khác với người Thái. Cô Quyên lúc này đã rất lúng túng, việc nào cũng lẫn xả vào làm, nhưng chẳng "ra ngô ra khoai" gì. Cô biết làm thế là không khoa học, phải cất đặt công việc cho mọi người, còn "tổng chỉ huy" chỉ điều hành thôi. Cô thành thật thưa với họ, cháu còn trẻ người non dạ, mong cả họ thông cảm, nhưng vì là dâu trưởng, xin phép được cất đặt việc như thế như kia... Mọi người nghe cũng xuôi tai, lại thấy cô ăn nói chững chạc, thêm nữa, việc cất đặt công việc cũng là lẽ thường của dâu trưởng dòng họ, theo đúng tập tục dưới xuôi. Mọi người nghe, mọi người làm theo, bữa giỗ tổ họ diễn ra rôm rả. Có người bên chồng nói nhỏ với cô Quyên: "Lúc đầu tôi cũng không ưa cô, nhưng qua công việc cô làm, giờ tôi quý cô rồi". Lời nói của một người già khó tính mộc mạc, gần gũi, mà cũng rất gai góc, bề trên, lại là

nguồn động viên tinh thần lớn giúp cô Quyên "trưởng thành" trong vai trò dâu trưởng.

Khi cô Quyên kể với chúng tôi chuyện làm dâu ở miền xuôi, có rất nhiều chị em phụ nữ dân tộc Thái đều chăm chú lắng nghe. Mọi người đều bảo, người dân tộc Thái không để phụ nữ làm những công việc như thế, cô Quyên làm được như vậy thật ra rất tài.

Hai vợ chồng Quyên Việt giờ đã có hai cô con gái. Hai người sống thật hạnh phúc. Anh làm trong đội "vận động quần chúng" của đồn, cô được bổ nhiệm hiệu phó cách đây hai năm. Anh hay phải đi công tác xa ở các bản nằm kề đường biên, nhiều Tết cũng chẳng về được. Vậy là ba mẹ con dẫn nhau về quê nội ăn Tết. Lấy chồng đã 11 năm, cũng 11 cái Tết, 11 mùa hè Quyên về quê chồng làm "nhiệm vụ" dâu trưởng, dù có nhiều lúc, bụng mang dạ chửa, con nhỏ đường xa... Quyên nói: "Chỉ nhìn vào ánh mắt anh ấy là em biết anh muốn em làm vậy nên dù vất vả em cũng phải làm dâu để anh yên tâm công tác".

BẢN LĨNH CHIẾN SĨ TRƯỚC HIỂM NGUY

LÊ DUY HỒNG

*T*rước tình huống bất ngờ, nguy hiểm đến tính mạng, nhiều người không đủ can đảm ra tay bảo vệ lẽ phải. Để không liên lụy đến bản thân, nhiều người đã chọn phương án "coi như không biết"... Nhưng với Trung úy quân nhân chuyên nghiệp Nguyễn Anh Tuấn, chứng kiến cảnh đối tượng gây án có thân hình cao to lực lưỡng, mặt mày bặm trợn, hung khí trong tay đang trong cơn cuồng sát, anh không một chút do dự truy đuổi và không chể kễ sát nhân, bảo vệ tính mạng người dân. Hành động mưu trí, dũng cảm của Trung úy quân nhân chuyên nghiệp Nguyễn Anh Tuấn làm sáng đẹp thêm phẩm chất Bộ đội Cụ Hồ.

Mưu trí, không sợ hiểm nguy

Sau vài lần gọi điện liên hệ với chỉ huy đơn vị, chúng tôi mới gặp được Trung úy quân nhân chuyên nghiệp Nguyễn Anh Tuấn, Tiểu đội trưởng kiêm chức Tiểu đội 5, Trung đội 6, Đại đội 3, Tiểu đoàn Kiểm soát quân sự 103 (Bộ tư lệnh Thủ đô Hà Nội). Trong lúc chờ Trung úy Tuấn đi làm nhiệm vụ trở về, các đồng chí chỉ huy đơn vị giải thích: "Mấy lần các anh gọi điện, hôm nay mới gặp đồng chí Tuấn, vì ngoài tham gia huấn luyện, chỉ huy, kiểm tra đơn đốc chiến sĩ trong tiểu đội, đồng chí ấy còn làm nhiệm vụ canh gác bảo vệ các mục tiêu quan trọng và kiểm soát quân sự trên địa bàn thành phố Hà Nội...".

Trở về đơn vị sau khi hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát quân sự trên các tuyến phố, gương mặt các chiến sĩ trẻ đỏ bừng, mồ hôi nhễ nhại. Bước vào phòng giao ban tiểu đoàn là một quân nhân dáng người dong dỏng cao, gương mặt điển trai, trẻ trung. Nhìn vóc dáng khá "thư sinh" ấy, tôi tự hỏi liệu đây có phải là Trung úy quân nhân chuyên nghiệp Nguyễn Anh Tuấn, người đã ra tay quật ngã và khống chế đối tượng gây án giết người? Như hiểu suy nghĩ của tôi, Thiếu tá Nguyễn Trọng Bằng, Chính trị viên Tiểu đoàn 103 liền giới thiệu:

- Giới thiệu với các anh, đây là Trung úy quân nhân chuyên nghiệp Nguyễn Anh Tuấn, người mà các anh muốn gặp...

Nghe tôi gợi chuyện, sau một lát trầm ngâm, Nguyễn Anh Tuấn mới khiêm tốn thuật lại tình tiết sự việc. Câu chuyện khống chế đối tượng gây án mà Tuấn kể giúp chúng tôi dần hình dung ra giây phút dững cảm đối mặt với kẻ sát nhân của người chiến sĩ Tiểu đoàn 103.

Hôm đó, gần 20 giờ ngày 22 tháng 6 năm 2012, sau trận mưa rào, đường phố vắng người hơn thường ngày. Đang làm nhiệm vụ canh gác bảo vệ mục tiêu, Thiếu úy quân nhân chuyên nghiệp Nguyễn Anh Tuấn cùng Binh nhất Vũ Trung Kiên, chiến sĩ Đại đội 3 bỗng phát hiện một nam thanh niên tóc cắt trọc, điều khiển xe gắn máy đuổi theo đôi nam nữ từ Khu tập thể phường Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội về hướng dốc 376 đường Bưởi. Khi đến gần Khu K80C, nam thanh niên đuổi kịp và vượt lên chặn đầu xe máy của đôi nam nữ, rồi nhẩy xuống rút dao nhọn trong người ra bất ngờ đâm nhiều nhát vào người nam thanh niên điều khiển xe gắn máy khiến người này gục xuống đường. Đối tượng tiếp tục quay sang xô người phụ nữ ngồi sau xe ngã xuống đường, dùng dao đâm liên tiếp. Trước tình huống đó, Nguyễn Anh Tuấn, không một chút đắn đo, anh nhanh chóng rời vị trí gác chạy

ra để cứu giúp người bị nạn. Thấy quân nhân Tuấn xông tới, đối tượng liền buông nạn nhân bỏ chạy ra phía xe máy để tẩu thoát. Nhưng hắn vừa chạm vào chiếc xe đã bị Tuấn áp sát, quàng tay qua cổ, quật ngã xuống đường. Bị khống chế, đối tượng ra sức chống trả tìm mọi cách thoát thân. Bằng động tác khóa tay, tước vũ khí rất mau lẹ và hiểm hóc, Thiếu úy Tuấn đoạt được con dao nhọn trong tay hung thủ, đè hắn nằm sấp xuống mặt đường. Thấy đồng đội vật lộn với hung thủ, Binh nhất Vũ Trung Kiên định chạy ra hỗ trợ đồng đội, nhưng Nguyễn Anh Tuấn đã lệnh cho chiến sĩ Kiên ở tại vị trí tiếp tục bảo vệ mục tiêu và điện về báo cáo đơn vị. Ngay sau đó, được sự hỗ trợ kịp thời của quần chúng nhân dân, đối tượng bị bắt giữ, nạn nhân được đưa đi cấp cứu.

Tại Cơ quan công an, hung thủ khai tên là Đỗ Huy Dũng, sinh năm 1980, trú tại thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Con dao nhọn dài 25cm là hung khí đối tượng dùng để gây án cũng bị thu giữ sau đó. Vụ án xuất phát từ sự ghen tuông của Dũng đối với vợ mình là chị Dương Thị H và anh Nguyễn Văn Đ (đôi nam nữ đã bị Dũng dùng dao đâm). Mặc dù được đưa đi cấp cứu kịp thời, nhưng do vết thương quá nặng, anh Nguyễn Văn Đ không qua khỏi, còn chị H đã qua cơn nguy kịch.

Noi gương đồng đội

Môi trường sống, làm việc là yếu tố quan trọng góp phần tạo nên nhân cách của mỗi người. Trong môi trường quân đội, để có bản lĩnh và lòng quả cảm, cùng với sự giúp đỡ của cán bộ, đồng đội, mỗi quân nhân còn phải trải qua quá trình học tập, rèn luyện kiên trì và bền bỉ. Trường hợp Trung úy quân nhân chuyên nghiệp Nguyễn Anh Tuấn là một minh chứng.

- Khi quyết định đối mặt với đối tượng lực lưỡng, trong tay có dao nhọn, đảnh đảnh sát khí như vậy, đồng chí không ngại điều bất trắc xảy ra với mình? - Nghe tôi hỏi, Tuấn cười hiền khô, rồi bộc bạch:

- Lúc đó tình huống diễn ra rất nhanh và bất ngờ, không biết giữa họ có mâu thuẫn gì, nhưng thấy cảnh người dân bị truy sát như vậy, mình là bộ đội đứng yên sao được? Thêm nữa, những động tác võ chiến đấu được cán bộ, đồng đội đơn vị "truyền cho" trong những buổi huấn luyện, rèn luyện thể lực giúp tôi thêm tự tin khi ngăn chặn, khống chế đối tượng gây án. Hơn nữa, ở đơn vị tôi cũng có nhiều đồng chí từng dũng cảm bắt cướp, cứu người.

Qua tìm hiểu chúng tôi được biết, tháng 10 năm 2011, trên đường đi công tác tại phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội, Trung úy quân nhân chuyên

nghiệp Dương Trùng Diệp, chiến sĩ kiểm soát quân sự Tiểu đoàn 103 đã tham gia bắt đối tượng trộm cắp, trả lại tài sản cho nhân dân. Hành động của đồng chí Diệp được Bộ tư lệnh Thủ đô Hà Nội tặng bằng khen và được nâng lương trước niên hạn. Đảng ủy, chỉ huy Tiểu đoàn 103 đã phát động thi đua học tập và làm theo tấm gương, hành động dũng cảm của đồng chí Diệp và được cán bộ, chiến sĩ trong tiểu đoàn tích cực hưởng ứng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Tôi hỏi Nguyễn Anh Tuấn:

- Sao lúc ấy đồng chí không để đồng chí Kiên ra hỗ trợ bắt đối tượng gây án?

- Nhiều người cũng hỏi em như vậy. Sở dĩ em không cho đồng chí Kiên rời vị trí, là vì rất có thể, lợi dụng sự lộn xộn, sơ hở khi mọi người tập trung giải quyết vụ việc gây án, kẻ gian sẽ đột nhập mục tiêu đơn vị đảm nhiệm bảo vệ. Nhiệm vụ quan trọng nhất của chúng em là trong mọi tình huống, phải canh gác, bảo vệ tuyệt đối an toàn mục tiêu được giao.

Nghe Tuấn lập luận, tôi thêm khâm phục sự mưu trí, dũng cảm của người chiến sĩ trẻ. Đúng vậy, nhiệm vụ của những chiến sĩ bảo vệ, nhất là khi đảm trách những mục tiêu trọng yếu, nếu không có ý thức cảnh giác cao, nhanh nhạy trong xử lý tình huống thì rất có thể sẽ bị đối tượng xấu lợi dụng.

Đã qua hơn một tháng, nhưng khi nhắc đến vụ án mạng, trên gương mặt những người dân ở Khu K80C từng chứng kiến vụ việc vẫn phảng phất sự sợ hãi. Nhiều người cho rằng, nếu không có sự mưu trí, dũng cảm, kịp thời của Thiếu úy Nguyễn Anh Tuấn, thì hậu quả của vụ án này còn rất nặng nề.

Niềm vui "kép"

Tìm hiểu, chúng tôi được biết, Nguyễn Anh Tuấn là con cả trong gia đình có hai anh em, bố mẹ đều làm công nhân ở thành phố Uông Bí (Quảng Ninh). Sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông, tháng 3 năm 2010, Tuấn lên đường nhập ngũ vào Trung đoàn 692 (Sư đoàn 301). Kết thúc khóa huấn luyện chiến sĩ mới, Nguyễn Anh Tuấn được tuyển chọn về Tiểu đoàn Kiểm soát quân sự 103. Nhận xét về Trung úy quân nhân chuyên nghiệp Nguyễn Anh Tuấn, Trung tá Hoàng Văn Quy, Tiểu đoàn trưởng và Thiếu tá Nguyễn Trọng Bằng, Chính trị viên Tiểu đoàn 103, cho biết: "Ngay từ những ngày đầu về công tác tại đơn vị, chúng tôi thấy đồng chí Tuấn là chiến sĩ có ý thức trách nhiệm, tích cực, chịu khó trong huấn luyện, rèn luyện, được cán bộ, chiến sĩ đơn vị tin yêu, mến phục".

Do có nhiều thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, nên ngày 19 tháng 5 năm 2012, đúng dịp sinh nhật Bác, Nguyễn Anh Tuấn vinh dự được kết nạp Đảng. Cuối tháng 5, Tuấn được chuyển chế độ quân nhân chuyên nghiệp. Hai ngày sau khi có hành động dũng cảm cứu người bị nạn, lập công xuất sắc, Nguyễn Anh Tuấn được Đại tướng Phùng Quang Thanh, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Bí thư Quân ủy Trung ương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tặng bằng khen. Bộ tư lệnh Thủ đô Hà Nội cũng đã có quyết định nâng lương trước niên hạn, phiên quân hàm từ thiếu úy lên trung úy quân nhân chuyên nghiệp cho Nguyễn Anh Tuấn, nâng cấp hàm từ binh nhất lên hạ sĩ đối với chiến sĩ Vũ Trung Kiên. Ngày 27 tháng 6, đồng chí Tuấn được Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tặng huy hiệu "Tuổi trẻ dũng cảm".

Chia vui với cán bộ, chỉ huy đơn vị và người quân nhân mưu trí, dũng cảm, chúng tôi tin rằng, những phần thưởng trên sẽ là động lực tiếp thêm sức mạnh, niềm tin để Trung úy quân nhân chuyên nghiệp Nguyễn Anh Tuấn và các đồng đội của anh phấn đấu hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, xứng danh Bộ đội Cụ Hồ.

ANH CHỦ NHIỆM KIÊM "KIẾN TRÚC SƯ"

PHAN TIẾN DŨNG

Nhiều người gọi Đại tá Trịnh Văn Thiện, Chủ nhiệm Kho 858 Quân chủng Hải quân, người đã 17 năm liền được bầu là "Chiến sĩ thi đua" cấp toàn quân và toàn quốc như vậy bởi chính anh là người đóng vai trò chính trong việc kiến tạo nên sự thay đổi kỳ diệu ở Kho 858. Từ một đơn vị bộn bề thiếu thốn, nhờ người chủ nhiệm biết lo toan và nhiều sáng tạo, Kho 858 đã thật sự "lột xác", được đề nghị phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ đổi mới...

Chủ nhiệm lái máy cày và làm... "kiến trúc sư"

Anh về nhận công tác tại Kho 858 Hải quân từ năm 1976 với chức Trợ lý Kế hoạch tổng hợp. Hồi

mới về, Kho 858 của Mỹ để lại chỉ là dãy nhà cấp 4 mái tôn xập xệ, thấp lè tè. Gọi là kho, nhưng thực chất là nơi lính Mỹ dùng thay quân, hoặc nghỉ ngơi sau mỗi lần đồn trú. Vùng đất hoang hóa, bạc màu, không có cây xanh, chỉ có nắng và gió...

13 năm sau, anh nhận chức Chủ nhiệm kho vẫn chưa có gì thay đổi nhiều so với trước. Thời kỳ bao cấp, đời sống nhân dân và quân đội còn nhiều khó khăn. Những người lính thợ cũng không ngoại lệ. Hồi đó, hơn 300 cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên Kho 858 sống trong cảnh thiếu nước, thiếu điện, thiếu lương thực, thực phẩm. Khí hậu, thời tiết khắc nghiệt, lương "ba cọc, ba đồng" không đủ sống, một số đồng chí có biểu hiện bi quan, chán nản.

Thăm nghĩ: "Bộ đội phải có cái ăn, cái mặc mới yên tâm công tác", anh Thiện quyết định tổ chức cho bộ đội đào ao lấy nước ngọt phục vụ sinh hoạt hằng ngày, tưới cây, thả cá; cải tạo đất đai trồng mía, khoai, sắn; nuôi bò, dê, lợn, gà... Thương bộ đội oằn lưng cuốc đất, bàn tay rộp phồng, bỏng rát, anh Thiện lặn lội vào miền Nam trực tiếp mua rồi tự tay lái máy cày chạy từ Tây Ninh về Cam Ranh. Thế nên mọi người mới gọi anh là "Chuyên gia... lái máy cày". Ngày đó, phương tiện sản xuất cũ, nát, hằng

ngày anh xuống phân xưởng cơ khí cặm cụi sửa chữa, sáng chế các loại nông cụ, máy móc. Anh trực tiếp xắn tay áo nhặt từng viên gạch, vắn từng khối bê tông, xới từng luống đất... Thấy chủ nhiệm kho vất vả, anh em công nhân làm theo, thành phong trào lớn. Người không phụ đất, đất chẳng phụ người, sau một thời gian tích cực tăng gia, sản xuất, hệ thống ao hồ cung cấp đủ nước cho sinh hoạt và chăn nuôi, cứu hỏa. Đàn bò, dê, lợn, gà ngày càng sinh sôi. Cây cối sum suê, đâm chồi nảy lộc. Đời sống cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên được cải thiện đáng kể. Nhờ vậy mọi người yên tâm công tác, góp phần xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện...

Mãi tới năm 2000, Kho 858 mới được Quân chủng Hải quân đầu tư nâng cấp. Song, nhìn chung hạ tầng cơ sở vẫn còn thiếu đồng bộ. Mùa mưa, lũ ngập trắng đồng, nước tràn vào kho. Trước tình hình đó, anh Thiện đã đề xuất phương án xây dựng bờ kè và đắp đê chống lũ. Cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên chạy đua với thời gian đắp một con đê dài 3,8km, hai bề ta-luy và mặt đê được lát bằng những tấm bê tông tận dụng từ các công trình tháo dỡ, gắn xi măng chắc chắn. Để có được con đê ấy, anh Thiện và cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên toàn đơn vị đã nạo vét, khơi

thông và kè ta-luy sỏi với chiều dài 1,5km với khối lượng 3.600m³ bê tông, đào đắp hàng ngàn mét khối đất đá và huy động hàng ngàn ngày công, hàng trăm chuyến xe và ca máy phục vụ suốt ngày, đêm... Công trình trị giá hàng chục tỷ đồng khánh thành và đưa vào sử dụng đã góp phần ngăn lũ, bảo vệ an toàn hệ thống kho tàng, tài sản của Nhà nước và Quân đội...

Giữa không gian bao la, tràn ngập màu xanh cỏ cây, hoa lá, chúng tôi được nghe anh em kể về tài năng thiết kế của vị "kiến trúc sư bất đắc dĩ" - Trịnh Văn Thiện. Đạo đó, Ban chỉ huy kho có ý định thuê người ngoài vào thiết kế không gian, quần thể văn hóa. Nhưng khi kiến trúc sư vào khảo sát tình hình rồi ra giá thù lao với khoản kinh phí quá cao, đơn vị không thể đáp ứng nổi. Không còn cách nào khác, Chủ nhiệm kho kiêm luôn chức "kiến trúc sư". Gần một tháng trời, anh Thiện tự tay viết vẽ, thiết kế, sau đó tham khảo ý kiến anh em. Cuối cùng "đề án" đã được Ban chủ nhiệm "chuẩn y". Xây dựng đề án đã khó, thực hiện đề án càng khó khăn hơn. Để có được khuôn viên Câu lạc bộ Quân nhân trên 8.000m² (gồm nhà thủy tạ, ao cá, vườn hoa, hòn non bộ); sân tennis; nhà truyền thống... đích thân Đại tá Trịnh Văn Thiện

xấn tay áo chỉ đạo anh em sử dụng nguyên liệu tại chỗ như bê tông, gạch ngói tận dụng, cây cảnh, cây ăn quả huy động anh em đóng góp. Cứ cần mẫn tích cóp như con ong thợ mất mấy năm, cán bộ, chiến sĩ Kho 858 Hải quân đã xây nên một "công viên xanh" giữa vùng cát cháy.

Bằng tình yêu của người lính thợ và tinh thần tự lực, tự cường, dám nghĩ, dám làm, cán bộ, chiến sĩ Kho 858 đã làm nên những công trình bạc tỷ, trở thành lá cờ đầu của Quân chủng Hải quân trong thực hiện phong trào "xanh - sạch - đẹp"...

Chính quy như... "bộ đội ông Thiện"

Đó là cảm nhận không chỉ riêng cán bộ, chiến sĩ các đơn vị quân đội đóng quân trên địa bàn huyện Cam Lâm và thành phố Cam Ranh (Khánh Hòa) mà còn cả nhân dân địa phương trong vùng.

Đến Kho 858, ấn tượng đầu tiên là hình ảnh chiến sĩ đứng trên chòi canh cách xa gần cây số, nhưng khi thấy có khách là đứng nghiêm giờ tay chào. Giữa trưa trời nắng chang chang, từng tốp cán bộ, công nhân viên vạt áo ướt đầm mồ hôi trên đường từ kho về nhà nghỉ, thấy xe chở chúng tôi vẫn đứng nghiêm chào đúng điều lệnh...

Nhà báo Đăng Khoa - Phóng viên Chuyên mục Quốc phòng - An ninh, Đài Truyền hình Khánh Hòa còn kể cho tôi nghe câu chuyện khá thú vị về "bộ đội ông Thiện". Cuối năm 2011, anh Khoa vào Cam Lâm thực hiện phóng sự, thấy tốp lính áo quần xộc xệch, chân đi dép lê. Anh Khoa buột miệng nói với đồng nghiệp: "Chắc là bộ đội Kho 858 Hải quân đây mà!".

Nghe vậy, mấy người dân đứng gần đó quá quyết: "Không phải đâu! "Bộ đội ông Thiện" bao giờ cũng đội mũ, đi giày, mang mặc đúng tác phong!".

Trong lần đến thăm đơn vị gần đây, Thượng tướng Đỗ Bá Ty, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam cũng đã khen ngợi công tác xây dựng nền nếp chính quy và chấp hành kỷ luật ở Kho 858.

Gắn bó máu thịt với cấp ủy, chính quyền và nhân dân địa phương từ những ngày gian khó nhất, nên anh Thiện vẫn thường nhắc nhở cấp dưới: "Nhiệm vụ của người lính thời bình là phải gần dân, lo cho dân như lo cho chính mình!". Thế nên, mọi hoạt động của địa phương, đơn vị đều tham gia, đóng góp. Chỉ tính mấy năm gần đây, Kho 858 đã trích gần 150 triệu đồng thăm hỏi, tặng quà các gia đình chính sách, hộ nghèo trên địa bàn huyện Cam Lâm và thành phố

Cam Ranh (Khánh Hòa); huy động 1.200 ngày công lao động giúp dân đào đắp đường liên thôn, tu bổ nghĩa trang liệt sĩ; tặng 2.000kg gạo, 200 bộ quần áo cho người nghèo trong mùa giáp hạt; quyên góp ủng hộ đồng bào miền Trung bị lũ lụt, xây dựng nhà tình nghĩa hơn 100 triệu đồng... Vào mùa nắng hạn, anh Thiện chỉ đạo đơn vị cho xe bồn chở hàng trăm mét khối nước ngọt phục vụ đồng bào... Người dân Cam Lâm vẫn thường kể chuyện "lính ông Thiện" nhiều lần giúp dân cứu hỏa nhưng chưa bao giờ nhận quà. Dũng cảm dập cháy xong là tập hợp lên xe về ngay đơn vị. Đến nỗi bà con không kịp hỏi tên, tuổi, chỉ biết là "bộ đội ông Thiện!". Mới đây, Kho 858 vinh dự được Quân chủng Hải quân đề nghị phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ đổi mới, trong thành tích chung ấy, có đóng góp lớn lao của Đại tá Trịnh Văn Thiện!

TRONG TRÉO NHƯ CÁNH HOA BAN

ĐỖ PHÚ THỌ

Sinh ra và lớn lên ở huyện Mường Tè - huyện nghèo nhất của tỉnh Lai Châu và cả nước, tuổi thanh xuân lại gặp lận đận trong đường tình duyên, vậy mà Lò Thị Xuân, cô gái dân tộc Thái vẫn trong trẻo như cánh hoa ban vùng Tây Bắc, vượt khó, vượt khổ, cống hiến hết mình cho sự nghiệp, đảm đang nuôi dạy con, gặt hái được rất nhiều giải thưởng... Thiếu tá Lò Thị Xuân đã trở thành niềm tự hào của phụ nữ trong cơ quan Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam.

Thân gái dặm trường, lên rừng xuống biển

Triển lãm "Nghĩa tình đồng đội" do Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam phối hợp với Bảo tàng Quân

khu 4 tổ chức nhân kỷ niệm 65 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ đã gây xúc động mạnh với rất nhiều khách tới tham quan. Nhiều người đã rơi nước mắt trước những di vật trở thành hiện vật "biết nói". Các di vật này đã gắn bó với các liệt sĩ là Quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam hy sinh tại nước bạn Lào. Để có những di vật quý giá đó, các cán bộ của Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam đã phải lặn lội cùng với các Đội quy tập hài cốt liệt sĩ của Quân khu 4, nâng niu, sắp xếp, ghi chép, gói ghém cẩn thận... Thiếu tá Lò Thị Xuân là một trong những người tham gia tích cực nhất việc tìm kiếm di vật này.

Xuân kể cho tôi nghe những câu chuyện cảm động của những người làm công tác quy tập hài cốt liệt sĩ. Khó có thể nói được hết những khó khăn, vất vả thậm chí có thể hy sinh cả tính mạng của mình để có được những di vật của những người đã hy sinh cách đây vài chục năm. Mỗi di vật sưu tầm được trưng bày ở triển lãm này là một trong những câu nói của liệt sĩ với thân nhân gia đình mặc dù thông tin qua di vật là rất mong manh. "Tìm lại tên cho anh" là điều mà thông qua triển lãm chuyên đề "Nghĩa tình đồng đội" đã tiếp thêm cho Lò Thị Xuân một niềm tin và hy vọng chấp nối các thông tin của liệt sĩ. Và một

điều thật hạnh phúc cho những người tổ chức cuộc triển lãm này, qua trưng bày, đã có 5 liệt sĩ được thân nhân đến tìm nhận.

Sưu tầm di vật của các liệt sĩ hy sinh tại Lào chỉ là một trong những chuyến đi công tác dài ngày của Lò Thị Xuân. Với chiếc ba lô trên vai, Xuân đã có những chuyến đi hàng tháng trời ở hải đảo, vùng biên giới phía Bắc, theo đường Hồ Chí Minh xuyên dãy Trường Sơn năm xưa... sưu tầm được rất nhiều hiện vật quý. Trong đó phải kể đến chiếc keng từ quả bom của Mỹ ném xuống đảo Hòn Mê (Thanh Hóa) năm 1964, "cây nhiệt đới" của Mỹ thả trên đường Trường Sơn, hiện vật cổ trưng bày ở triển lãm "Những trận đánh nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam"... Những hiện vật đó đã góp phần tạo ra các cuộc triển lãm sống động của Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam.

Chuyến đi công tác xa nhà lâu nhất của Lò Thị Xuân kéo dài tới gần 5 năm (từ năm 2004 đến năm 2008) khi Xuân được cử làm chuyên gia sang giúp Bảo tàng Quân đội nhân dân Lào. Nhiệm vụ được giao thật nặng nề, Xuân cùng các đồng nghiệp Việt Nam phải giúp bạn xây dựng nội dung, ma-két, đề cương chi tiết đến cả thi công nội thất trưng bày... Để hoàn thành nhiệm vụ được giao, Xuân đã phải tự học tiếng của bạn, chủ động trong mọi công việc cốt làm

sao để hoàn thành nhiệm vụ một cách tốt nhất. Ghi nhận những thành tích của cô, Chủ tịch nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào đã trao tặng Lò Thị Xuân Huân chương Lao động hạng Ba và Xuân cũng vinh dự được nhận Bằng khen của Bộ Quốc phòng nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (năm 2008).

Trong gần hai chục năm làm công tác bảo tàng, Lò Thị Xuân đã tham gia nhiều chuyên đề triển lãm như: "Trang phục Quân đội nhân dân Việt Nam" (năm 2000), "Nghĩa tình đồng đội", "Phụ nữ Quân đội trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc" (năm 2002), "Một số hình ảnh, hiện vật 55 năm thành lập Quân đội nhân dân Lào" (năm 2003), "Huyền thoại Trường Sơn" (năm 2009), "Một số trận đánh nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam" (năm 2010), "Tuổi trẻ anh hùng - Truyền thống vẻ vang" (năm 2011)... Mỗi chuyên đề trưng bày là những tháng ngày nghiên cứu, đi sưu tầm bổ sung hiện vật. Đến nay, Lò Thị Xuân đã có mặt tại hầu hết các tỉnh, thành phố trong cả nước.

Luôn có duyên với các cuộc thi lớn

Giản dị, mộc mạc, đam mê nghiệp vụ bảo tàng là tính cách nổi bật của Lò Thị Xuân, vậy mà cô gái người dân tộc Thái này lại có duyên với các giải

thưởng lớn trong các cuộc thi mang tính toàn quân, toàn quốc. Năm 2004, Xuân đoạt giải đặc biệt toàn quân và giải nhì toàn quốc cuộc thi "Âm vang Điện Biên". Năm 2008, Xuân "ẵm" giải nhất toàn quốc cuộc thi "Tìm hiểu biển, đảo Việt Nam". Gần đây, Xuân cũng đã "gặt hái" khá thành công các cuộc thi do Tổng cục Chính trị và Bộ Quốc phòng tổ chức.

Có người cho rằng, cán bộ bảo tàng, hằng ngày tiếp xúc với hiện vật cùng câu chuyện phía sau những hiện vật ấy, họ giành giải là đương nhiên. Cũng có người lý giải, do Xuân ít vướng bận công việc gia đình (vì cậu con trai duy nhất đã lớn). Thế nhưng, với Xuân câu chuyện lại không hoàn toàn như vậy.

Sinh ra, lớn lên trên vùng đất Tây Bắc của Tổ quốc, sau khi tốt nghiệp đại học, Lò Thị Xuân đã có thời gian công tác tại Bảo tàng Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ. Cũng chính từ những buổi hướng dẫn khách đi thăm lại chiến trường xưa, đặc biệt là những kỷ niệm gắn bó ở vùng đất mà mình sinh ra đã tạo ra nét riêng của bài dự thi "Âm vang Điện Biên" nhân kỷ niệm 50 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ. Sự độc đáo này đã thuyết phục được ban

giám khảo để rồi Lò Thị Xuân được vinh danh ở thứ hạng cao, vượt qua hàng nghìn bài dự thi khác.

Ở cuộc thi "Tìm hiểu về biển, đảo Việt Nam", Lò Thị Xuân bộc bạch: "Em phải cảm ơn rất nhiều cán bộ, chiến sĩ ở đảo Hòn Mê (Thanh Hóa) bởi chính Hòn Mê đã "gây men", tiếp sức làm nên "chất liệu" chính trong bài dự thi qua chuyến đi sưu tầm hiện vật, giao lưu với cán bộ, chiến sĩ nơi đây. Đặc biệt hơn, đó là tình yêu với biển, đảo qua các hiện vật "biết" nói, những tấm gương liệt sĩ đã hy sinh vì biển, đảo thân yêu của Tổ quốc... Càng nghiên cứu biển, đảo, em càng thấy say mê và hấp dẫn đến lạ". Bài dự thi "Tìm hiểu biển, đảo Việt Nam" của Lò Thị Xuân như một lời tri ân sâu sắc của cô gái dân tộc Thái dành tình yêu cho biển, đảo Việt Nam.

Xuân tâm sự với tôi rằng, cô tham gia các cuộc thi không phải vì giải thưởng, lại càng không phải vì muốn "chơi trội" với mọi người. Xuân nói: "Em tham gia dự thi, trước hết vì phong trào chung của cơ quan Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam, sau đó là niềm đam mê tìm hiểu, cũng là dịp để tri ân các thế hệ đi trước, trả ơn những người đã giúp đỡ em trong hoạt động nghiệp vụ".

"Con ong của Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam"

Đó là lời của Đại tá Lê Thị Hồng Vân, Phó Giám đốc Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam dành cho Thiếu tá Lò Thị Xuân, Phó Trưởng phòng Nghiên cứu sưu tầm - Hướng dẫn nghiệp vụ. Còn với Phạm Hương Giang (cán bộ Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam) đã gắn bó với Xuân gần 20 năm thì đánh giá: "Chị Xuân thực sự là một trong những tấm gương để chúng em học tập và noi theo. Chị là nguồn cổ vũ, động viên chị em phụ nữ trong Bảo tàng vượt qua những thử thách khó khăn, phấn đấu trở thành người phụ nữ thành công trong cuộc sống và công việc".

Trừ những ngày đi công tác, còn hiếm thấy khi nào Xuân rời cơ quan trước 18 giờ. Hết nghiên cứu đọc tài liệu, lại tỉ mỉ với các hiện vật mới sưu tầm được. Có những lần chuẩn bị cho triển lãm, Xuân phải làm việc đến tận 11, 12 giờ đêm mới về nhà. Không hiểu có phải vì quá say mê mới công việc mà Thiếu tá Lò Thị Xuân cho đến thời điểm này vẫn còn là "lính phòng không"?

Khác với nhiều chị em phụ nữ trong cơ quan Tổng cục Chính trị, Lò Thị Xuân đã gặp nhiều chuyện không may trong đường tình duyên. Một mình, vừa đảm nhiệm vai trò làm mẹ, vừa đảm nhận

vai trò làm bố trong việc nuôi dạy con cái. Thế nhưng, cái không may đó lại giúp Xuân có thêm nghị lực trong cuộc sống, yêu công việc chuyên môn hơn và chắt chiu nuôi dạy con nên người. Thời gian rỗi rãi, Xuân đều dành cho con, động viên, dạy bảo cháu. Các năm học ở bậc phổ thông, cháu đều là học sinh giỏi, thi đỗ đại học với số điểm khá cao và đến nay con trai của Xuân đã là sinh viên năm thứ ba của Học viện Kỹ thuật Quân sự.

Không phải riêng tôi mà có khá nhiều người đã tiếp xúc với Xuân đều có chung nhận xét: Thiếu tá Lò Thị Xuân có những nét giống như cây hoa ban của núi rừng Tây Bắc. Hoa không ngát hương nhưng thật quyến rũ lòng người. Vẻ đẹp của những chùm hoa trắng ngần, gợn tím, dù trong khói bụi, ồn ào của chốn đô thành vẫn trong trẻo, nguyên sơ như vẻ đẹp bình dị của núi rừng Tây Bắc thân yêu.